CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN
DN: C=VN, L=THÁI NGUYÊN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:4601039023
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2022-04-20 22:39:30
Foxit Reader Version: 9.7.0

NỘI DUNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN

BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

MỤC LỤC

DANH MỤC VIẾT TẮT 4

1. PHẦN MỞ ĐẦU 5

1.1. Thông điệp của chủ tịch HĐQT 5

1.2. Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi 7

1.3. Các chỉ tiêu cơ bản 8

2. THÔNG TIN CHUNG 9

2.1. Thông tin chung về doanh nghiệp 9

2.2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 10

2.3. Mô hình kinh doanh và nội lực 12

2.4. Giới thiệu Ban lãnh đạo 17

2.5. Vị thế 26

2.6. Định hướng phát triển 27

2.7. Rủi ro 28

3. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 31

3.1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 31

3.2. Tổ chức và nhân sự 35

3.3. Tình hình đầu tư thực hiện dự án 37

3.4. Tình hình tài chính 38

3.5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn chủ sở hữu 40

4. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 41

4.1. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh 41

4.2. Tình hình tài chính 43

4.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý 44

4.4. Phương hướng phát triển 45

5. BÁO CÁO CỦA HĐQT 45

5.1. Đánh giá của HĐQT về mọi mặt của Công ty 45

5.2. Đánh giá của HĐQT về Ban Tổng giám đốc 46

5.3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT 47

6. QUẢN TRỊ CÔNG TY 48

6.1. Hội đồng Quản trị 48
6.2. Ban Kiểm soát.....51
6.3. Kế hoạch đào tạo/học tập về quản trị công ty.....51
6.4. Nâng cao hiệu quả quản trị công ty.....52
6.5. Giao dịch và thù lao 52
6.6. Quản trị Công ty.....54
7. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG.....55
7.1. Mục tiêu chung 55
7.2. Mục tiêu sản phẩm dịch vụ 56
7.3. Chính sách người lao động 56
7.4. Phát triển cộng đồng 57
8. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2020 60

DANH MỤC VIẾT TẮT

Công ty	Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên
BCTC	Báo cáo tài chính
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	Ban Tổng giám đốc
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BKS	Ban Kiểm soát
CA	Công an
CATP	Công an Tp
CMND	Chứng minh nhân dân
CSH	Chủ sở hữu
CTCP	Công ty Cổ phần
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
ĐVT	Đơn vị tính
GMHS	Gây mê hồi sức
HĐQT	Hội đồng quản trị
KH	Kế hoạch
KH	Kế hoạch
KTTH	Kế toán tổng hợp
P	Phường
TCHC	Tổ chức hành chính
TGĐ	Tổng giám đốc
TMCP	Thương mại cổ phần
TP	Tp
VNĐ	Việt Nam đồng

1. PHẦN MỞ ĐẦU

1.1. Thông điệp của chủ tịch HĐQT

Thân gửi Quý cổ đông, Quý khách hàng, Đối tác và Cán bộ công nhân viên.

Năm 2021, năm thứ 2 liên tiếp đại dịch Covid-19 gây ảnh hưởng toàn diện, sâu rộng trên toàn thế giới. Tại Việt Nam, Covid- 19 tiếp tục có diễn biến phức tạp, hơn lúc nào hết, vấn đề sức khỏe được người dân đặc biệt quan tâm.

Đồng hành cùng địa phương và cả nước trong cuộc chiến chống đại dịch Covid-19, Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên (TNH) đẩy mạnh hoạt động phòng chống dịch, tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh khám chữa bệnh cho người dân. Năm 2021, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, đặc biệt là ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 nhưng từ tháng 08/2021 quy mô chuỗi các bệnh viện của TNH đã tăng lên 550 giường bệnh, thực kê gần 800 giường.

Bên cạnh việc chứng minh năng lực quản trị y tế bằng cách không ngừng bồi dưỡng chuyên môn cũng như nâng cao cơ sở vật chất và liên tục cập nhật các tiến bộ khoa học vào công tác điều trị, TNH còn khẳng định thành công phát triển dịch vụ chăm sóc sức khỏe bằng kết quả kinh doanh đầy khởi sắc trong những năm gần đây. Đáng chú ý, năm 2021 vừa qua, TNH ghi nhận mức phát triển vượt bậc với doanh thu đạt 412,4 tỷ đồng. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: 146,840 tỷ đồng. Lãi ròng đạt đến 142,7 tỷ đồng. Công ty đã nỗ lực thực hiện tốt "mục tiêu kép" vừa phòng chống dịch bệnh vừa quyết tâm phấn đấu vượt qua khó khăn, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ.

Đến thời điểm hiện tại, 2 bệnh viện Bệnh viện Đa khoa Yên Bình Thái Nguyên và Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên đều hoạt động hiệu quả. Cả hai bệnh viện đang được đánh giá cao về cả chất lượng khám chữa bệnh và dịch vụ khách hàng với cơ sở vật chất hiện đại vượt trội, hệ thống trang thiết bị y tế tiên tiến, và đội ngũ bác sĩ giỏi chuyên môn, giàu y đức. Đặc biệt, Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên tự hào là thương hiệu có vị thế, uy tín lớn mạnh trong ngành y tế, được Sở Y tế Thái Nguyên công nhận là một trong những bệnh viện tốt nhất trên địa bàn. Đồng thời, TNH đã và đang liên kết với các bệnh viện của Hàn Quốc nhằm nâng cao công tác chuyên môn và góp phần đưa những kỹ thuật y học tiên tiến thế giới đến với người bệnh Việt Nam.

Đặt mục tiêu phát triển chuỗi hệ thống bệnh viện trên toàn quốc, TNH đã trúng đấu giá quyền sử dụng lô đất Y tế thuộc tỉnh Bắc Giang và việc này góp phần quan trọng trong chiến lược đầu tư xây dựng hệ thống bệnh viện tư nhân trên toàn quốc của TNH. Tại đây, Công ty sẽ triển khai dự án xây dựng Bệnh viện Đa khoa với tổng vốn đầu tư lên tới 20 triệu USD; dự kiến quy mô 300 giường bệnh. Việc lựa chọn đầu tư xây dựng Bệnh viện Đa khoa tại Bắc Giang cho thấy tầm nhìn chiến lược của TNH khi hướng tới một thị trường giàu tiềm năng. TNH kỳ vọng dự án này sẽ tiếp nối thành công của Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên và Bệnh viện Đa khoa Yên Bình Thái Nguyên.

Với sự chuẩn bị, đầu tư đúng hướng, Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyễn đã sẵn sàng đón nhận những cơ hội và phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới.

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên xin gửi lời cảm ơn chân thành tới tất cả quý vị - những người đã đồng hành cùng chúng tôi trong suốt thời gian qua.

Trân trọng cảm ơn Quý vị.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Hoàng Tuyên

1.2. Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi

- **Tầm nhìn**

  Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên mong muốn được chung vai gánh vác, chia sẻ với xã hội trong việc khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cộng đồng, góp phần giảm tải cho các bệnh viện công. Chúng tôi hướng tới việc cung cấp dịch vụ khám, tầm soát và điều trị bệnh toàn diện đạt chuẩn quốc gia, quốc tế với đội ngũ bác sĩ giỏi trong và ngoài nước.

  Mục tiêu của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên là trở thành một trong những bệnh viện tư nhân hàng đầu của cả nước với một môi trường y tế nhân văn, thân thiện, an toàn. Chúng tôi chú trọng vào việc xây dựng đội ngũ bác sĩ giỏi chuyên môn, tận tâm với người bệnh; chú trọng đầu tư trang thiết bị y tế hiện đại, tiêu chuẩn quốc tế, nhằm mang lại chất lượng cao trong khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho tất cả mọi người. Công ty cam kết cung cấp các dịch vụ chất lượng cao, tận tâm vì sức khỏe người bệnh và cộng đồng.

- **Sứ mệnh**

  Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân, chia sẻ trách nhiệm chăm sóc sức khỏe cộng đồng, góp phần vào sự lớn mạnh, phát triển của ngành Y tế nước nhà.

  Lợi ích, sức khỏe của người bệnh là kim chỉ nam trong mọi hoạt động mà chúng tôi hướng tới. Mang lại sự an toàn và chất lượng cao trong việc khám chữa bệnh là định hướng quan trọng để chúng tôi tồn tại và phát triển. Lắng nghe, thấu hiểu và chia sẻ để đạt được sự hài lòng và tin tưởng của bệnh nhân là thước đo thành công của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên.

  Không ngừng xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, giàu tính nhân văn, mang đậm nét văn hóa của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên; tạo cơ hội nâng cao nghiệp vụ và phát triển sự nghiệp cho mọi thành viên

- **Giá trị cốt lõi**

  - Tính chuyên nghiệp;
  - Hiệu quả công việc;
  - Tính trung thực;
  - Tinh thần đồng đội;
  - Thái độ tích cực.

- **Triết lý kinh doanh**

  Bệnh viện luôn **"lấy người bệnh làm trọng tâm"** cho mọi hoạt động trong suy nghĩ và hành động. Tất cả các quy trình hoạt động, từ chào đón bệnh nhân đến khi thực hiện các kỹ thuật khám, chữa bệnh cho đến thời điểm người bệnh ra viện, đều được đổi mới và tạo được sự khác biệt, theo tiêu chí phải làm cho người bệnh hài lòng nhất về tinh thần, thái độ phục vụ và chất lượng khám chữa bệnh.

1.3. Các chỉ tiêu cơ bản

Chỉ tiêu	Đơn vị	2018	2019	2020	2021
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Doanh thu	Tỷ đồng	269,65	275,45	335,6	412,4
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	269,65	245,45	335,6	412,4
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	81,39	88,82	109	142,7
Bảng cân đối kế toán					
Tổng tài sản	Tỷ đồng	515,05	879,95	1.157,10	1285,92
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	350	415	415	415
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	439,7	528,53	637,5	780,2
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu					
Thu nhập trên vốn cổ phần (ROE)	%	20,40%	18,35%	18,69%	20,13%
Thu nhập trên tổng tài sản (ROA)	%	16,97%	12,74%	10,70%	11,68%

2. THÔNG TIN CHUNG

2.1. Thông tin chung về doanh nghiệp

- **Giới thiệu doanh nghiệp**

Tên doanh nghiệp	:	Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên
Địa chỉ	:	328 Lương Ngọc Quyến, P. Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên
Điện thoại	:	0208 628 5658
Website	:	benhvienquoctethainguyen.com
Vốn điều lệ	:	415.000.000 VNĐ
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	:	4601039023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên cấp đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 28/03/2017
Ngành nghề kinh doanh chính	:	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế
Mã cổ phiếu	:	TNH

- **Lịch sử hình thành và phát triển**
  - **Năm 2013**: Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận đầu tư số: 17121000028 ngày 27 tháng 8 năm 2013 với số vốn điều lệ ban đầu 27.748.000.000 VND, quy mô 300 giường bệnh;
  - **Năm 2014**: Bộ Y tế cấp giấy phép hoạt động số 134/BYT ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Bộ Y tế. Ngày 10/02/2014 Bệnh viện bắt đầu đi vào hoạt động, với quy mô ban đầu 150 giường bệnh;
  - **2016**: Tăng vốn điều lệ lên 69.464.000.000 VNĐ;
  - **2017**: Tăng vốn từ 69.464.000.000 VNĐ đến 150.000.000.000 VNĐ bằng việc chia cổ tức bằng cổ phiếu;
  - **2018**: Tăng vốn từ 270.000.000.000 VNĐ đến 350.000.000.000 VNĐ bằng việc chia cổ tức bằng cổ phiếu;
  - **2019**: Tăng vốn từ 350.000.000.000 VNĐ đến 415.000.000.000 VNĐ bằng việc chia cổ tức bằng cổ phiếu. Bệnh viện Đa Khoa Yên Bình Thái Nguyên chính thức đi vào hoạt động ngày 13/12/2019;
  - **Tháng 8/2020**: Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên giai đoạn II chính thức đi vào hoạt động;
  - **Tháng 12/2020**: Niêm yết cổ phiếu trên tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh.

- **Các sự kiện nổi bật trong năm 2021**

+ Ngày 06/1/2022: Niêm yết và ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu tại Sở giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh;

+ Tháng 9/2021: Tăng quy mô giường bệnh tại Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên từ 200 giường bệnh lên 400 giường bệnh; phê duyệt thêm 267 danh mục kỹ thuật mới tại Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên;

+ Tháng 12/2021: Triển khai Dịch vụ Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR và máy chụp cộng hưởng từ 1.5 Tesla đi vào hoạt động.

2.2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- **Ngành nghề kinh doanh**
  - Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế;
  - Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
  - Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
  - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê – trừ việc đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng.

- **Địa bàn kinh doanh**
  - Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên: số 328, đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP Thái Nguyên;
  - Bệnh viện Đa khoa Yên Bình Thái Nguyên: xóm Chùa, xã Nam Tiến, Thị Xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- **Sản phẩm dịch vụ chính**

Khoa ngoại	
Khoa nội	Khoa nhi
Khoa thăm dò chức năng	Khoa phụ sản
Khoa mắt,	Khoa xét nghiệm
Khoa Tai mũi họng	Khoa khám bệnh
Khoa Răng hàm mặt	Khoa hồi sức cấp cứu
Khoa da liễu	Khoa gây mê hồi sức
Khoa chẩn đoán hình ảnh	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn

- Tổng số nhân viên của công ty tại ngày 31/12/2021 là 627 người.

Trong đó:

+ Tổng số PGS, TS, Ths, Bác sỹ đa khoa: 174 người
+ Tổng số điều dưỡng: 242 người
+ Tổng số Nữ Hộ sinh: 29 người
+ Tổng số kĩ thuật viên: 47 người
+ Tổng số dược sỹ: 22 người
+ Tổng số đội ngũ nhân viên hỗ trợ và các bộ phận liên quan: 113 người.

Ngoài ra Công ty còn hợp tác với hơn 40 giáo sư, tiến sĩ, bác sĩ của các bệnh viện tuyến trung ương, ở Hà Nội và các Bệnh viện khác thường xuyên tham gia khám bệnh, hội chẩn trực tiếp tại bệnh viện đặc biệt là tất cả các ngày thứ 7 và chủ nhật hoặc hỗ trợ hội chẩn phẫu thuật những ca khó, phức tạp bất cứ lúc nào có nhu cầu được bệnh viện mời đến.

2.3. Mô hình kinh doanh và nội lực

- **Sơ đồ tổ chức**

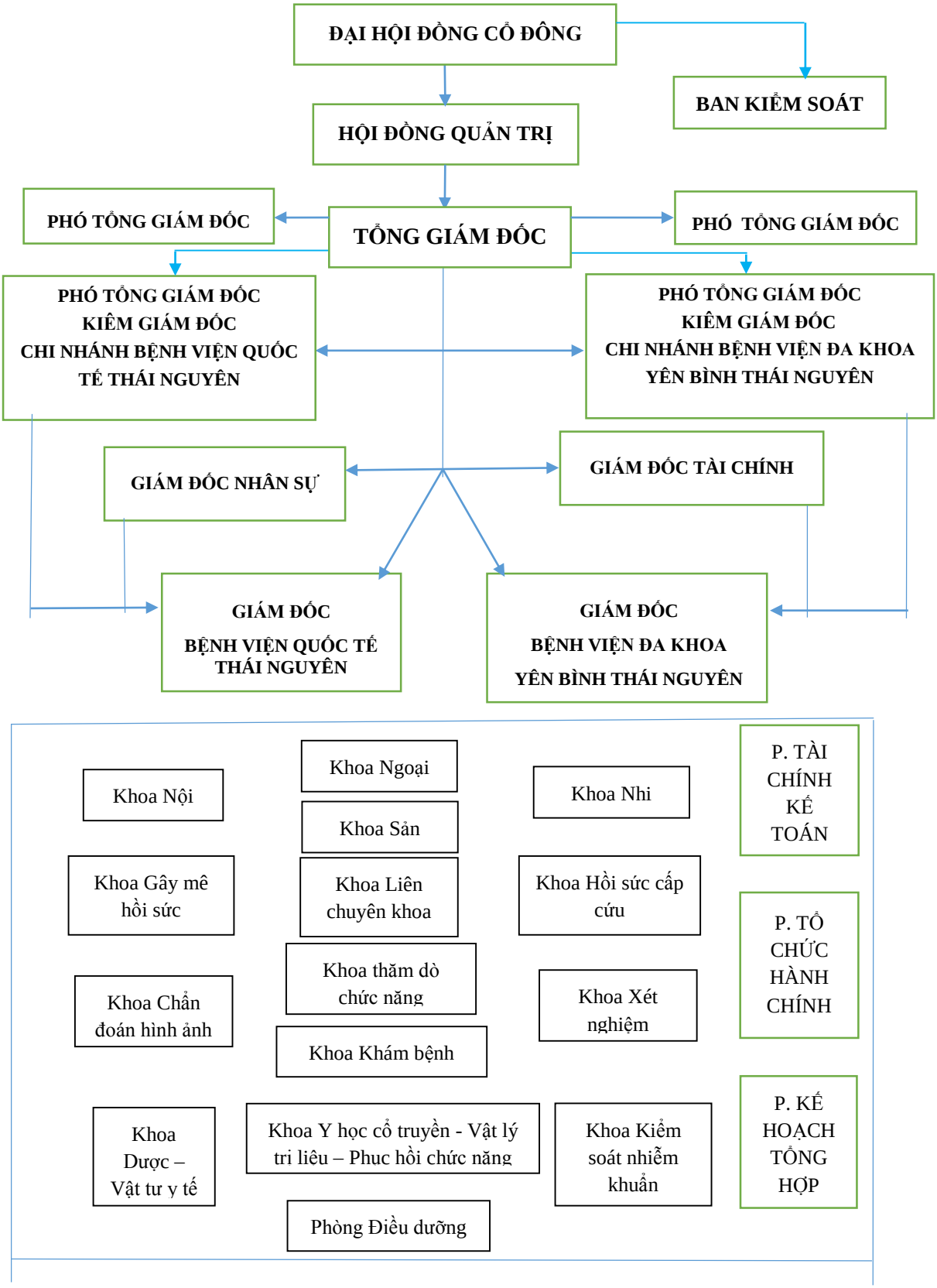

- **Chức năng các bộ phận và phòng ban trong công ty**

- **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết, họp ít nhất mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề được luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đại hội đồng cổ đông thông qua các số liệu BCTC hàng năm của Công ty và kế hoạch kinh doanh cho năm tiếp theo. Ngoài ra, Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ chính là bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS của Công ty..

- **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

- **Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ không quá 05 năm, có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Các thành viên BKS không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là kế toán hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp.

- **Tổng Giám đốc**

Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc quyết định thuê người khác làm Tổng Giám đốc Công ty. Nhiệm kỳ Tổng giám đốc không quá 05 năm, có thể được bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

- **Các phòng ban chức năng**

+ *Phòng KHTH & TCHC*

- Đảm nhận và chịu trách nhiệm trước Công ty về việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng tháng, quý, năm; Mua sắm, làm thủ tục nhập, xuất vật tư, nguyên liệu, phụ tùng thay thế, dụng cụ cho sản xuất; Tham mưu và làm các thủ tục pháp lý trong việc ký kết, giám sát thực hiện, thanh quyết toán các hợp đồng kinh tế với các nhà cung cấp. Tham gia xây dựng phương án kế hoạch giá thành sản phẩm của Công ty; Tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện

kế hoạch sản xuất kinh doanh và các báo cáo thống kê theo quy định và yêu cầu quản trị của Công ty.

- Đảm nhận và chịu trách nhiệm trong công tác tham mưu xây dựng cơ cấu tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, quy hoạch cán bộ; Lập kế hoạch đào tạo và tuyển dụng lao động, xây dựng định mức lao động và đơn giá tiền lương hàng năm; Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc xây dựng quy chế trả lương, thưởng. Thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo luật định và quy chế của Công ty; Theo dõi, giám sát việc chấp hành nội quy lao động, nội quy, quy chế của Công ty và thực hiện công tác kỷ luật. Thực hiện các nhiệm vụ của công tác hành chính, văn thư lưu trữ, quản lý xe ôtô con, vệ sinh môi trường, ngoại cảnh.

+ *Phòng Tài chính – kế toán*

- Đảm nhận và chịu trách nhiệm trước Công ty về lĩnh vực tài chính kế toán;
- Phòng có chức năng xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính hàng năm;
- Tổ chức công tác hạch toán kế toán, lập báo cáo tài chính theo quy định và các báo cáo quản trị theo yêu cầu của Công ty;
- Thực hiện thu tiền bán hàng, quản lý kho quỹ;
- Chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc lập hóa đơn chứng từ ban đầu cho công tác hạch toán kế toán; hướng dẫn, tổng hợp báo cáo thống kê.

+ *Bảo vệ bệnh viện*

- Thực hiện công tác bảo vệ Bệnh viện;
- Phối hợp xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch bảo vệ, an ninh, quốc phòng, phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt hàng năm.

+ *Các phòng khoa chuyên môn tại bệnh viện:*

Khoa Nội

- Bệnh lý tim mạch: Suy tim, tăng huyết áp...
- Bệnh lý tiêu hoá: Viêm loét dạ dày, đại tràng, xơ gan...
- Bệnh lý nội tiết: Đái tháo đường, basedow...
- Bệnh lý tiết niệu: Viêm đường tiết niệu, suy thận...
- Bệnh lý cơ, xương, khớp: Viêm khớp dạng thấp...

Khoa Nhi

- Khám và điều trị: Tất cả các bệnh lý nội nhi từ 1 tháng tuổi đến 15 tuổi. Bệnh nhi sau phẫu thuật cần phải chăm sóc đặc biệt.

Khoa Ngoại

- Khoa ngoại tổng hợp là khoa lâm sàng có chức năng thực hiện thủ tục khám và điều trị bằng phẫu thuật, cho bệnh nhân trong toàn tỉnh và một số địa bàn của tỉnh bạn như Cao Bằng, Tuyên Quang, Bắc Kạn, Lạng Sơn...

Khoa Gây mê hồi sức

- Khoa phẫu thuật GMHS là khoa lâm sàng, gồm hệ thống các buồng phẫu thuật để thực hiện các phẫu thuật, thủ thuật theo chương trình và cấp cứu, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ban giám đốc bệnh viện và chịu trách nhiệm trước Ban giám đốc về tổ chức thực hiện các hoạt động tại khoa.

Các khoa khám bệnh chuyên khoa

- Phòng Răng hàm mặt
- Phòng Tai Mũi Họng
- Phòng khám mắt

Khoa Sản

- Khám quản lý thai nghén và điều trị các bệnh lý sản khoa
- Khám và điều trị các bệnh lý phụ khoa
- Khám và điều trị vô sinh
- Phẫu thuật mổ mở trong sản phụ khoa
- Phẫu thật nội soi
- Đẻ giảm đau.

Khoa Dược + Quầy thuốc

- Khoa Dược là khoa cận lâm sàng có chức năng: Cung ứng kịp thời, đầy đủ thuốc, hóa chất, sinh phẩm, vật tư y tế tiêu hao phục vụ điều trị nội, ngoại trú, phòng chống dịch và chi viện cho tuyến dưới theo yêu cầu của Bộ Y tế. Giám sát, kiểm tra việc sử dụng thuốc hợp lý an toàn theo quy chế dược chính của Bộ Y tế.

Khoa Hồi sức cấp cứu

- Khoa Cấp cứu - là khoa lâm sàng, có chức năng: Tiếp nhận khám, chẩn đoán, điều trị và chăm sóc toàn diện bệnh nhân cấp cứu nặng có chức năng sống bị đe dọa cần thiết phải hỗ trợ bằng các thiết bị kỹ thuật y tế đặc biệt thuộc lĩnh vực các bệnh Truyền nhiễm và Nhiệt đới.
- Khoa Cấp cứu - Điều trị tích cực có nhiệm vụ thực hiện quy chế của khoa Lâm sàng, Hồi sức cấp cứu trong Quy chế bệnh viện do Bộ Y tế ban hành. Cán bộ, viên chức của Khoa phải có đủ tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, năng lực, phẩm chất của người cán bộ y tế.

Khoa xét nghiệm

- Khoa Xét nghiệm là khoa cận lâm sàng, có chức năng: Thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm về huyết học, sinh hóa, vi sinh, ký sinh trùng, sinh học phân tử, miễn dịch... phục vụ cho việc chẩn đoán, xác định nguyên nhân gây bệnh, theo dõi diễn tiến của bệnh nhân trong quá trình điều trị.

Khoa chẩn đoán hình ảnh, nội soi

- Khoa chẩn đoán hình ảnh – Thăm dò chức năng là khoa cận lâm sàng có chức năng: Thực hiện các kỹ thuật tạo ảnh y học bằng các thiết bị X-Quang, siêu âm, cắt lớp, cộng hưởng từ…và thực hiện các kỹ thuật nội soi, thăm dò chức năng,...

Khoa khám bệnh

- Khoa Khám bệnh là khoa lâm sàng có chức năng: Tiếp đón, khám chữa bệnh ngoại trú, chọn lọc bệnh nhân vào điều trị nội trú, hướng dẫn chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho người bệnh.

Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn

- Khoa Chống nhiễm khuẩn là khoa cận lâm sàng có chức năng: Thực hiện khử khuẩn, tiệt khuẩn dụng cụ, trang thiết bị y tế, buồng bệnh và chất thải; Giám sát, kiểm tra đôn đốc các khoa, phòng thực hiện quy chế chống nhiễm khuẩn và xử lý chất thải bệnh viện.

  Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Giám đốc phân công.

Khoa Đông Y - Phục hồi chức năng

- Khoa Đông y - Phục hồi chức năng điều trị bệnh nhân bằng phương pháp y học cổ truyền như châm cứu , xoa bóp, bấm huyệt, sử dụng thuốc bắc… Bên cạnh đó, khoa còn khám chữa bệnh Đông – Tây y kết hợp, phối hợp chặt chẽ với các khoa Lâm sàng , Xét nghiệm , Chẩn đoán hình ảnh, Thăm dò chức năng ..trong bệnh viện nhằm phát huy thế mạnh của 2 nền y học Đông – Tây y để nâng cao chất lượng khám chữa bệnh.

- **Công ty con, công ty liên kết**

  Hiện Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên có 02 công ty liên kết:

Tên công ty	Loại hình	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ (VNĐ)	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty cổ phần bệnh viện mắt quốc tế TNH Nguyên	Công ty liên kết	328 Lương Ngọc Quyến, Tp Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	70.000.000.000	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế	45%
Công ty Cổ phần Bệnh viện Sản nhi Quốc thế TNH	Công ty liên kết	328 Lương Ngọc Quyến, Tp Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	90.000.000.000	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế	48%

2.4. Giới thiệu Ban lãnh đạo

- **Hội đồng quản trị (6 thành viên)**

ÔNG: HOÀNG TUYÊN - CHỦ TỊCH HĐQT

Ông Hoàng Tuyên	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Giới tính	Nam
Ngày sinh	30/09/1965
Nơi sinh	Ba Bể - Bắc Kạn
Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	013177543 do CATP Hà Nội cấp ngày 28/03/2009
Dân tộc	Tày
Địa chỉ thường trú	1514 CT5X2, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Tp Hà Nội
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Bác sỹ đa khoa
Quá trình công tác:	
Từ 1995 – 1999	Giám định viên BHYT - Bảo hiểm Tỉnh Thái Nguyên.
Từ 1999 – 2003	Nhân viên - Ban tổ chức cán bộ bảo hiểm y tế Việt Nam.
Từ 2003 – 2009	Nhân viên - Ban kiểm tra bảo hiểm xã hội Việt Nam.
Từ 2009 – 2013	Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Bệnh viện đa khoa trung tâm Thái Nguyên.
Từ 2013 – Nay	Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên.
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty
Số cổ phần sở hữu	4.000.000 CP tương đương 9,64% VĐL
Số cổ phần đại diện	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Ông Hoàng Thao (anh trai) – 500.000 CP tương đương 1,2% VĐL Bà Cao Thị Hồng (chị dâu) - 229.100 CP tương đương 0,55% VĐL

ÔNG: LÊ XUÂN TÂN – THÀNH VIÊN HĐQT kiêm TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Lê Xuân Tân	Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ngày sinh	01/08/1951
Nơi sinh	Huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Bác sĩ chuyên khoa II Ngoại khoa
Quá trình công tác:	
Từ 06/1972 – 08/1975	Bộ đội - Bệnh viện C18 quân khu 5
Từ 01/1978 – 05/1992	Bí thư Đảng ủy; Trưởng khoa Ngoại Sản - Bệnh viện Công ty Than 3 – Bộ Năng Lượng
Từ 06/1992 – 12/1997	Bí thư chi bộ; Giám đốc - Trung tâm Y tế huyện Phổ Yên – Tỉnh Thái Nguyên
Từ 01/1998 – 10/2011	Bí thư Đảng ủy; Giám đốc - Bệnh viện C tỉnh Thái Nguyên
Từ 11/2011 – 2013	Giám đốc - Trung tâm trị liệu ung thư Bệnh viện C Thái Nguyên – Gammastar
Từ 2013 – nay	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc - Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên
Chức vụ đang nắm giữ tại công ty	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc
Số cổ phần sở hữu	1.500.000 CP tương đương 3,61% VĐL
Số cổ phần đại diện	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không

ÔNG: NGUYỄN VĂN THUỶ – THÀNH VIÊN HĐQT kiêm PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Văn Thuỷ	Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ngày sinh	24/04/1995
Nơi sinh	Nam Tiến, Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên
Địa chỉ thường trú	Xóm Vàng, Tân Hương, Phổ Yên, Thái Nguyên
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng
Quá trình công tác:	
Từ 1972 – 1981	Kỹ thuật – Công ty Xây lắp luyện kim
Từ 1981 – 1989	Tự do
Từ 1989 – nay	Giám đốc Công ty TNHH Xuân Thuỷ
Từ 2013 – nay	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc
Số cổ phần sở hữu	2.346.400 CP tương đương 5,65% VĐL
Số cổ phần đại diện	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không

ÔNG: NGUYỄN XUÂN ĐÔN - THÀNH VIÊN HĐQT

Ông Nguyễn Xuân Đôn	Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Ủy viên Ủy Ban kiểm toán nội bộ
Giới tính	Nam
Ngày sinh	05/01/1964
Nơi Sinh	Tp Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng
Quá trình công tác	
1980 - 1984	Nhân viên Xí nghiệp liên hợp Gang thép (nay là CTCP Gang thép Thái Nguyên)
1984 – 2015	Giám đốc kiêm Chủ tịch HĐQT Xí nghiệp cán kéo thép Hiệp Linh (nay là CTCP Đầu tư và thương mại Hiệp Linh)
T6/2020 - nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên Hội đồng quản trị
Số cổ phần sở hữu	1.647.300 CP tương đương 3,97% VĐL
Số cổ phần đại diện	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không

ÔNG: VŨ HỒNG MINH – THÀNH VIÊN HĐQT

Ông Vũ Hồng Minh	Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Trưởng Ủy Ban kiểm toán nội bộ
Ngày sinh	14/11/1969
Nơi sinh	Tp Thái Nguyên, Thái Nguyên
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư luyện kim
Quá trình công tác	
Từ 1993 – 1998	Sinh viên Đại học Bách Khoa
Từ 1997 – 2000	Cán bộ Sở Công nghiệp và Khoa học công nghệ môi trường tỉnh Bắc Kạn
Từ 2000 – 2005	- Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn
Từ 2005 – nay	- Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH Kim loại màu Việt Bắc
T6/2020 – nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH Kim loại màu Việt Bắc
Số phần sở hữu	0 CP tương đương 0% VĐL
Số cổ phần đại diện	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Bà Nguyễn Thị Ngọc Thu (vợ) – 1.546.000 CP tương đương 3,73% VĐL

ÔNG TRẦN THIỆN SÁCH – THÀNH VIÊN HĐQT

Ông Trần Thiện Sách	Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ngày sinh	10/12/1973
Nơi sinh	Huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế, Dược sĩ Đại Học
Quá trình công tác	
Từ năm 1994 đến 2021	Giám đốc CN Thái Nguyên – Công ty CP Dược Hậu Giang,
Từ 2022 – nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Bệnh viện quốc tế Thái Nguyên
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số phần sở hữu	43.500 CP tương đương 0.1048 %VĐL
Số cổ phần đại diện	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không

- **Ban kiểm soát**

ÔNG: VŨ VĂN THÀNH – TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Ông Vũ Văn Thành	Trưởng Ban kiểm soát
Giới tính	Nam
Ngày sinh	16/11/1993
Nơi sinh	Ninh Bình
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán
Quá trình công tác	
2019 – T8/2020	Kế toán Hợp tác xã Thuỷ tinh Dân chủ
T6/2020 – 17/08/2020	Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên
Từ 01/08/2020 – nay	Trưởng phòng quản trị nội bộ Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên
Từ 17/08/2020 – nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên
Số cổ phần sở hữu	399.244 CP chiếm 0,96% VĐL
Số cổ phần đại diện	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không

BÀ: LÊ THỊ HẢO – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Bà Lê Thị Hảo	Thành viên Ban kiểm soát
Ngày sinh	06/05/1984
Nơi sinh	Tân Yên, Bắc Giang
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán
Quá trình công tác	
Từ 2006 – 2013	Kế toán viên CTCP Xây dựng và Thương mại Ninh Bình
Từ 2013 – nay	Kế toán trưởng Công ty TNHH Xuân Thủy
Từ T6/2020 – 17/08/2020	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên
Từ 17/08/2020 – nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên
Số cổ phần sở hữu	0 CP chiếm 0% VĐL
Số cổ phần đại diện	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không

ÔNG: HOÀNG THẮNG – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Ông Hoàng Thắng	Thành viên Ban kiểm soát
Ngày sinh	22/04/1991
Nơi sinh	Thái Nguyên
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
Quá trình công tác	
Từ 2016 – nay	Nhân viên Công ty Cổ phần Pepsi Việt Nam
T6/2020 – nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Bệnh viện quốc tế Thái Nguyên
Số cổ phần sở hữu	0 CP chiếm 0% VĐL
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Ông Hoàng Thao (cha đẻ) – 500.000 CP tương đương 1,2% VĐL
	Bà Cao Thị Hồng (mẹ đẻ) – 229.100 CP tương đương 0,55% VĐL
	Bà Cao Thị Cẩm Anh (vợ) – 430.844 CP tương đương 1,04% VĐL

2.5. Vị thế

S	W
1.Chính thức đi vào hoạt động từ tháng 2/2014, bệnh viện được trang bị nhiều thiết bị hiện đại như: máy chụp cắt lớp vi tính 64 dãy – một trong những thiết bị hiện đại nhất được sử dụng tại các cơ sở y tế ở các tỉnh miền núi phía bắc; máy chụp cộng hưởng từ; máy nội soi màu 04 chiều; hệ thống máy xét nghiệm sinh hóa, huyết học, miễn dịch hoàn toàn tự động; hệ thống máy phẫu thuật nội soi; nội soi chẩn đoán; hệ thống máy thở hiện đại. 2.Bệnh viện có đội ngũ y bác sĩ có chuyên môn cao. Bệnh viện có 174 lao động là bác sỹ, còn lại là điều dưỡng, kỹ thuật viên, hộ sinh …. Trong đó bác sỹ có trình độ chuyên khoa I và thạc sỹ trở lên là 82 người. Ngoài ra còn có hơn 40 giáo sư, tiến sĩ, bác sĩ của các bệnh viện trung ương thường xuyên tham gia khám bệnh, hội chẩn trực tiếp tại bệnh viện. Bệnh viện đã và đang liên kết với các bệnh viện của Hàn Quốc và Thái Lan nhằm nâng cao công tác chuyên môn và góp phần đưa những kỹ thuật y học tiên tiến thế giới đến với người bệnh Việt Nam.	1. Hiện nay, với 3 cơ sở trên toàn tỉnh, quy mô gần 2000 giường bệnh nhưng bệnh viện luôn rơi vào tình trạng quá tải. 2.Nhu cầu đối với máy móc, trang thiết bị hiện đại phục vụ mục đích khám chữa bệnh chiếm tỷ trọng đáng kể trong cơ cấu chi phí của Doanh nghiệp. 3. So với các bệnh viện công trên địa bàn tỉnh, mức phí khám chữa bệnh của Bệnh viện vẫn còn cao, chưa dễ tiếp cận đối với các tầng lớp nhân dân.
O	**T**
1. Bệnh viện nằm gần nhà máy lớn nhất châu Á của tập đoàn Samsung có quy mô hơn 180.000 công nhân và cán bộ trong khu công nghiệp – đây được xem là nguồn thu lớn cho bệnh viện. 2. Đại học Y Dược – Đại học Thái Nguyên nằm ngay trên địa bàn tỉnh, cung cấp nguồn lao động chất lượng, được đào tạo chính quy cho bệnh viện.	Các bệnh viện khác trong tỉnh Thái Nguyên cũng đang ngày càng nâng cao chất lượng dịch vụ, tiến hành đầu tư xây mới cơ sở vật chất.

- **Vị thế trong ngành**

Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên là một bệnh viện ngoài công lập, bắt đầu hoạt động từ năm 2014. Bệnh viện được thành lập nhằm đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh chất lượng cao của nhân dân ở tỉnh Thái Nguyên và các tỉnh lân cận, một khu vực có nhu cầu khám chữa bệnh của người dân rất cao và thường xuyên xảy ra tình trạng quá tải tại các bệnh viện công lập. Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên là bệnh viện được đầu tư cơ sở hạ tầng quy mô, hiện đại và đồng bộ vào loại bậc nhất của tỉnh Thái Nguyên. Một số công nghệ phục vụ khám chưa bệnh và quản lý được áp dụng tại bệnh viện như: Hệ thống chụp cắt lớp 64 dãy, phần mềm quản lý bệnh viện hay hệ thống camera giám sát,… là những hệ thống chưa được bệnh viện nào khác ở tỉnh Thái Nguyên sử dụng.

Về nhân lực, bệnh viện có sự phục vụ của đội ngũ y bác sĩ có trình độ cao và giàu kinh nghiệm và được sự hỗ trợ thường xuyên của các bác sĩ đầu ngành đến từ các bệnh viện Trung ương. Bệnh viện cũng đã thực hiện được nhiều kỹ thuật khám chữa bệnh phức tạp như mổ thoát vị đĩa đệm, tán sỏi laser,…

Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên và Bệnh viện đa khoa Yên Bình Thái Nguyên luôn hướng tới trở thành một bệnh viện có chất lượng dịch vụ chăm sóc y tế cao cấp và chuyên nghiệp, luôn đổi mới, làm hài lòng khách hàng bằng chất lượng khám chữa bệnh và dịch vụ chăm sóc sức khỏe tốt nhất, với giá trị cốt lõi là tính chuyên nghiệp, hiệu quả công việc, tính trung thực, tinh thần đồng đội và thái độ tích cực.

2.6. Định hướng phát triển

Định hướng phát triển trung và dài hạn:

- **Về quy mô**

Mở rộng mô hình bệnh viện tư nhân sang các tỉnh lân cận như Bắc Giang, Tuyên Quang, Bắc Kạn, Cao Bằng, Lạng Sơn … để phục vụ hầu hết người dân các tỉnh vùng trung du miền núi Đông Bắc Bộ.

Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên đã đưa cổ phiếu lên sàn giao dịch chứng khoán, trở thành một trong những bệnh viện đầu tiên có cổ phiếu niêm yết, từ đó khẳng định vị thế trong ngành Y Tế tỉnh Thái Nguyên nói riêng và khu vực miền Bắc nói chung.

Doanh nghiệp hướng tới mục tiêu sở hữu các bệnh viện hàng đầu Việt Nam về dịch vụ và chất lượng khám chữa bệnh, trở thành điểm đến uy tín cho người bệnh cả trong và ngoài nước.

- **Về nhân sự**

Tiếp tục thu hút nhân sự có trình độ, kinh nghiệm; tuyển dụng từ nguồn nhân lực chất lượng cao từ các trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn và các tỉnh lân cận; đào tạo nhân lực không chỉ giỏi về chuyên môn mà còn chuyên nghiệp trong dịch vụ, với mục tiêu sự hài lòng của người bệnh là ưu tiên của Doanh nghiệp.

Bệnh viện đã và đang liên kết với các bệnh viện của Hàn Quốc và Thái Lan nhằm nâng cao công tác chuyên môn và góp phần đưa những kỹ thuật y học tiên tiến thế giới đến với người bệnh Việt Nam.

- **Về dịch vụ khám chữa bệnh, đầu tư cơ cơ vật chất**

Duy trì, củng cố chất lượng khám chữa bệnh, đảm bảo dịch vụ khám chữa bệnh cho cán bộ công nhân viên cho các doanh nghiệp trên toàn tỉnh và tiến hành mở rộng tệp khách hàng doanh nghiệp, đảm bảo doanh thu từ nguồn này ở mức tăng trưởng, ổn định.

Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị y tế hiện đại, nhập khẩu từ các nhà thầu, nhà cung cấp uy tín giàu kinh nghiệm.

2.7. Rủi ro

- **Rủi ro từ bên ngoài công ty**

- *Rủi ro từ kinh tế*: Sự phát triển của nền kinh tế sẽ tác động đến mọi lĩnh vực, ngành nghề và đối tượng trong nền kinh tế, trong đó có Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên. Các rủi ro hình thành từ biến động của các chỉ số kinh tế vĩ mô chính như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, chính sách phát triển ngành… Những rủi ro này sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và của Công ty nói riêng.

- *Rủi ro về tỷ giá, lạm phát:* Sự biến động về tỷ giá sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí nhập khẩu trang thiết bị, máy móc, dược phẩm của Công ty. Lạm phát ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các mặt hàng dịch vụ thông qua các chi phí đầu vào. Lạm phát gia tăng sẽ làm cho các loại chi phí như chi phí nhân công, chi phí vật tư y tế, chi phí cung cấp dịch vụ của Công ty tăng cao. Do tác động của dịch Covid-19, Chính phủ sẽ gặp phải nhiều khó khăn hơn trong việc kiểm soát lạm phát và sự biến động về tỷ giá.

Đối với ngành y tế, khi mà phần lớn các hóa chất xét nghiệm, máy móc thiết bị đang được nhập khẩu, việc tỷ giá thay đổi sẽ làm chi phí cho việc khám chữa bệnh của người dân có sự biến động lớn. Do vậy, Công ty đã xây dựng kế hoạch mua sắm thuốc, vật tư y tế, hóa chất thực hiện ít nhất trong vòng 6 tháng để tránh sự biến động tỷ giá.

- *Rủi ro về lãi suất:* Bên cạnh lạm phát, lãi suất là một chỉ số tài chính vô cùng quan trọng mà Công ty phải luôn theo dõi và cập nhật hàng ngày nhằm đưa ra các chiến lược mua sắm, đầu tư hợp lý. Khi lãi suất tăng lên sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình kinh doanh của Công ty. Tính đến ngày 31/12/2021, tỷ lệ nợ vay chiếm 39,38% tổng tài sản của Công ty.

Nhằm giảm thiểu tác động từ rủi ro lãi suất, Công ty giao nhiệm vụ cho phòng Tài chính – kế toán thường xuyên theo dõi tình hình biến động của tỷ giá, lãi suất, cân đối nguồn thu và tỷ lệ vay nợ, từ đó đưa ra kế hoạch vay nợ hợp lý đảm bảo nhu cầu vốn hoạt động sản xuất và kiểm soát rủi ro về lãi suất một cách tốt nhất.

- *Rủi ro về thương mại:* Hiện nay, trên 90% nguyên liệu sản xuất thuốc được nhập từ nước ngoài, sử dụng khoảng 400/1.000 hoạt chất. Đặc biệt, các loại tân dược đặc trị hầu hết đều phải nhập khẩu. Do đó, sự tăng giá nguyên vật liệu sản xuất dược phẩm sẽ phần nào dẫn đến sự tăng giá các loại dược phẩm, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của Công ty.

Mặt khác, các trang thiết bị y tế của Công ty được đầu tư đồng bộ, cập nhật các công nghệ cũng như kỹ thuật hiện đại nhất hiện nay nên hầu hết được nhập khẩu từ nước ngoài. Vì vậy, việc bảo quản, bảo trì hay thay thế các bộ phận của các thiết bị trên khá khó khăn.

- *Rủi ro về luật pháp, chính sách:* Hiện nay do vẫn còn một số vấn đề về chính sách nên vẫn chưa có sự công bằng trong quản lý hành chính giữa bệnh viện công và bệnh viện tư nhân. Ví dụ, cùng một sai phạm về xử lý môi trường, bệnh viện tư nhân có thể bị đóng cửa hoặc tạm dừng hoạt động, còn bệnh viện công lập thì khó có thể xảy ra trường hợp này… Việc khám chữa bệnh cho các đối tượng có thẻ BHYT vẫn còn nhiều bất cập. Mặc dù bệnh viện đã bỏ tiền mua thuốc, vật tư điều trị cho Bệnh nhân nhưng nếu bị vượt trần, vượt quỹ vẫn bị cơ quan bảo hiểm xã hội trừ hoặc không thanh toán. Tuy nhiên, khi người bệnh có thẻ bảo hiểm y tế, Bệnh viện vẫn phải tiếp nhận và điều trị, kể cả biết sẽ bị xuất toán.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật Khám bệnh, Chữa bệnh, Luật Bảo hiểm Y tế, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác có liên quan, đồng thời còn chịu sự điều chỉnh của các ưu đãi trong chính sách thuế, hải quan, Luật đầu tư; bên cạnh đó, Công ty còn chịu tác động bởi hệ thống khung pháp lý của thị trường chứng khoán Việt Nam. Hiện nay, một số luật, chế tài, chính sách đang được đổi mới (Luật Chứng khoán 2020, Luật Khám bệnh, chữa bệnh 2020) điều đó yêu cầu Công ty cần phải có sự chuẩn bị kỹ lưỡng hơn để đáp ứng những yêu cầu này.

Nhà nước đang có những văn bản, dự thảo nhằm phát triển và nâng cao vai trò xã hội của các bệnh viện tư, như khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở y tế (kể cả trong chăm sóc sức khỏe ban đầu) tập trung vào cung cấp dịch vụ cao cấp, theo yêu cầu; tăng trách nhiệm cộng đồng của bệnh viện tư; thu hẹp khoảng cách phân biệt đối xử giữa bệnh viện tư và bệnh viện công,… Tuy nhiên, các văn bản pháp luật còn chưa hoàn thiện, như chưa có quy định tiêu chuẩn phân loại bệnh viện, chưa đưa ra được phạm vi hoạt động cho bệnh viện tư, bệnh viện tư được đầu tư đến đâu, chuyên môn nghiệp vụ đến mức nào... khiến cho môi trường hoạt động giữa bệnh viện tư và bệnh viện công chưa thực sự bình đẳng.

Như vậy, xu hướng sự điều chỉnh, giám sát của hệ thống pháp lý Việt Nam liên quan đến ngành Y tế, các loại thuế,…có ảnh hưởng ít nhiều tới các hoạt động kinh doanh của Công ty. Vì vậy, Công ty luôn chú ý trong việc đáp ứng các đòi hỏi mà khung pháp lý đưa ra cũng như nắm rõ và điều chỉnh và hướng dẫn các hoạt động của Công ty đảm bảo tuân thủ pháp luật.

Việc cung cấp dịch vụ y tế tư nhân rất đặc thù so với dịch vụ y tế công lập, nguyên nhân xuất phát từ việc đội ngũ y bác sỹ tư nhân không phải là cán bộ, công chức, viên chức nhà nước. Điều

đó dẫn tới y, bác sỹ tư nhân thiếu các công cụ pháp lý để được bảo vệ về mặt cá nhân. Ngoài ra, cơ sở y tế tư nhân cũng sẽ gặp nhiều khó khăn hơn trong việc đề nghị sự phối hợp trong việc bảo vệ hoạt động từ các cơ quan công an, hay ủy ban hơn so với các cơ sở y tế công lập.

Một rủi ro nữa là hiện nay chưa có nhiều quy định hoặc quy định chưa rõ ràng về việc miễn trừ trách nhiệm cho đội ngũ y, bác sỹ trong việc khám, chữa bệnh để xảy ra sự cố y khoa; đặc biệt trong việc xác định nguyên nhân xảy ra sự cố là do chủ quan hay do khách quan. Đồng thời, việc thiếu hành lang pháp lý để bảo vệ đội ngũ y, bác sỹ trước sự tấn công trực tiếp vào thân thể, hay uy tín, hình ảnh, danh dự của y, bác sỹ khi xảy ra các tranh chấp giữa người bệnh và nhân viên y tế cũng là một rủi ro dẫn đến việc y, bác sỹ không dám thực hiện việc điều trị do nguy cơ rủi ro cao xuất phát chính góc độ nhân thân của các đối tượng này.

- *Rủi ro từ cạnh tranh*: Do sự cạnh tranh giữa các bệnh viện tư nhân đối với các bệnh viện tư nhân hoặc với các bệnh viện công lập ngày càng diễn ra gay gắt do xu hướng phát triển kinh tế thị trường. Nếu không có chiến lược, chiến thuật phát triển bệnh viện về mọi mặt thì Công ty sẽ bị các đối thủ cạnh tranh vượt lên và từ đó dẫn tới giảm sút lượt người đến khám bệnh, chữa bệnh, gián tiếp làm giảm sút doanh thu của Công ty.

- *Rủi ro bất khả kháng*: Các rủi ro khác như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn… là những rủi ro bất khả kháng, ngoài tầm kiểm soát, dự kiến của doanh nghiệp. Nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên.

- **Rủi ro từ bên trong Công ty**

- *Rủi ro từ hoạt động chuyên môn:* Do đặc thù trong các lĩnh vực chuyên môn, hoạt động của Bệnh viện chịu nhiều ảnh hưởng và rủi ro hoạt động. Rủi ro từ hoạt động của bệnh viện không chỉ ảnh hưởng đến lợi ích của chính Bệnh viện mà còn ảnh hưởng đến sức khoẻ, tinh thần của bệnh nhân và phát sinh những vấn đề khác có liên quan. Trong quá trình hoạt động, rủi ro đối với Bệnh viện là điều không thể tránh khỏi.

Bệnh viện là một trong những môi trường có nguy cao về việc lây nhiễm dịch bệnh, xuất phát từ nguyên nhân chủ quan do việc không làm tốt công tác kiểm soát nhiễm khuẩn nội bộ, hoặc do nguyên nhân khách quan từ các tác nhân bên ngoài xâm nhập, đặc biệt trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến rất phức tạp như hiện nay. Việc lây nhiễm dịch bệnh trong phạm vi nội bộ Bệnh viện là rủi ro rất lớn, mặc dù ít có khả năng xảy ra và không thường xuyên nhưng nếu đã xảy ra thì chắc chắn sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Bởi nếu dịch bệnh không được ngăn chặn và kiểm soát ngay từ ban đầu, thì chắc chắn đây sẽ là một nguy cơ lớn dẫn đến việc Bệnh viện phải tạm dừng hoạt động cho đến khi kiểm soát được dịch bệnh. Trong công tác khám chữa bệnh, do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, sự cố tai biến y khoa luôn có thể xảy ra bất cứ lúc nào, đối với bất cứ bệnh viện nào, kể cả các bệnh viện công

lập. Đây cũng là rủi ro lớn nhất và thường xảy ra, không như dịch bệnh lây nhiễm nhiều năm mới xảy ra một lần và gây ảnh hưởng lớn như dịch Covid-19 vừa qua.

Khi có sự cố, tai biến y khoa, Bệnh viện sẽ bị thiệt hại nhiều mặt. Đầu tiên phải kể đến là thiệt hại do việc bị ảnh hưởng đến uy tín, giảm số lượng bệnh nhân đến khám bệnh, chữa bệnh tuỳ theo mức độ và thời gian ảnh hưởng từ đó giảm doanh thu phải. Thứ hai, tùy từng trường hợp và hoàn cảnh, điều kiện, Bệnh viện sẽ tiến hành hỗ trợ, đền bù kinh phí cho người bệnh hoặc gia đình tuỳ theo mức độ tai biến, đòi hỏi của người bệnh và gia đình. Nhiều trường hợp phải hỗ trợ, đền bù số tiền lớn hoặc kéo dài; và thường mức bồi thường, hỗ trợ của Bệnh viện tư nhân cũng sẽ cao hơn nhiều các bệnh viện công lập khi cùng xảy ra tai biến y khoa như nhau.

Vì vậy, Công ty luôn chú trọng đào tạo, thường xuyên trao đổi, nâng cao trình độ y bác sỹ; kiểm soát chặt chẽ, đầy đủ và cẩn thận quy trình khám chữa bệnh; xây dựng cơ bản các phòng kỹ thuật, phòng điều trị khang trang hiện đại cùng với các trang thiết bị y tế hiện đại, đồng bộ nhằm giảm thiểu các rủi ro trong hoạt động.

- *Rủi ro nguồn nhân lực:* Đối với lĩnh vực y tế, uy tín và hoạt động của Bệnh viện dựa trên đội ngũ các y, bác sĩ và điều dưỡng viên có kinh nghiệm và chuyên môn cao. Gần đây, việc xuất hiện và mở rộng của các doanh nghiệp tư nhân làm cho sự cạnh tranh trong hoạt động kinh doanh của cả bệnh viện tư và bệnh viện công trở nên gay gắt hơn, dẫn đến tình trạng thiếu nguồn nhân lực y tế có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm.

Để duy trì đội ngũ y, bác sĩ và điều dưỡng viên chuyên nghiệp luôn tận tâm phục vụ, nhằm mang đến cho khách hàng những dịch vụ chăm sóc sức khỏe tốt nhất, Công ty đã đưa ra nhiều giải pháp nhằm nâng cao thu nhập và tạo ra sự gắn bó giữa người lao động với Bệnh viện. Ngoài ra, Công ty thường xuyên tạo điều kiện cho cán bộ nhân viên tham gia các chương trình đào tạo tại các nước có ngành y tế phát triển nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn và và góp phần đưa những kỹ thuật y học tiên tiến thế giới đến với người bệnh Việt Nam.

Trong điều kiện hoạt động kinh doanh chịu nhiều yếu tố tác động cả bên trong lẫn bên ngoài như hiện nay, Công ty cũng luôn xác định mục tiêu chiến lược, quá trình hoạt động kinh doanh phải luôn thay đổi thích ứng với môi trường. Đồng thời, xác định việc đánh giá rủi ro là hết sức cần thiết.

3. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

3.1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- **Thông tin ngành trong năm**

Năm 2021 là năm đánh dấu các làn sóng dịch bệnh bùng phát với quy mô và cường độ dữ dội hơn năm 2020 trên toàn cầu. Từ tháng 3/2021, thế giới ghi nhận làn sóng dịch bùng phát mạnh tại nhiều quốc gia với biến thể Delta khả năng lây nhiễm nhanh và mạnh, và đặc biệt là biến thể Omicron xuất hiện từ tháng 11/2021 với độ lây nhiễm cao hơn nhiều so với biến chủng Delta, lây lan đối với cả người tiêm đủ 2 mũi Vắc sin, tăng nguy cơ quá tải hệ thống y tế và tử vong

nhiều người. Đến nay có hơn 120 nước trên thế giới ghi nhận các ca biến thể Omicrono, trong đó có Việt Nam.

Diễn biến đại dịch Covid 19, đặc biệt trong năm 2021, cho thấy hệ thống y tế, kể cả tại các quốc gia phát triển đều trở lên quá tải và khủng hoảng khi đối diện với làn sóng lây nhiễm lớn. Đại dịch Covid 19 đang đe dọa và làm đảo ngược các thành tựu y tế trên toàn cầu. Mục tiêu phát triển bền vững của nhân loại trở lên khó khăn hơn bao giờ hết.

Trong bối cảnh đặc biệt thách thức 2021, hệ thống y tế Việt Nam đã vượt qua được giới hạn, có tính chất cấp bách phòng chống dịch, với sự nỗ lực của toàn bộ hệ thống, các lực lượng y tế tuyến đầu đã trụ vững trong thời điểm thách thức nhất, ngăn chặn được dịch bệnh leo thang lên mức khủng hoảng và thảm họa y tế như nhiều quốc gia khác trên thế giới.

Đứng trước tình hình đó, tỉnh Thái Nguyên chỉ đạo quyết liệt, linh hoạt để thực hiện mục tiêu kép, vừa chống dịch vừa bảo vệ sức khỏe, vừa phục hồi phát triển kinh tế xã hội. Tỉnh đã thành lập 3 bệnh viện điều trị covid với tổng số 1,1 nghìn giường bệnh. Công tác xét nghiệm PCR là 274 nghìn mẫu. Kết thúc năm 2021, tỉnh đã tiêm hơn 1.6 triệu liều vắc sin. Công tác khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế được ngành y tế đảm bảo đầy đủ nhân lực, vật tư, thiết bị, bố trí giường bệnh, phương tiện cấp cứu, sẵn sàng đáp ứng, phục vụ tốt nhất các trường hợp phải đến viện khám chữa bệnh. GDP toàn tỉnh năm 2021 đạt 6.51%, cao hơn rất nhiều so với tình hình chung của cả nước.

Trước tình hình đó, toàn thể cán bộ nhân viên Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên đã nỗ lực hết mình vừa đảm bảo thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh mà Đại hội cổ đông giao phó. Đồng thời hỗ trợ Tỉnh phòng chống dịch covid 19. Năm 2021, tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty cổ phần Bệnh viện quốc tế Thái Nguyên như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	% kế hoạch
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	420	412	98,10%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	139	143	102,88%

Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty mặc dù chưa đạt được kế hoạch đề ra nhưng đã đạt gần 98,10%, tăng 23% so với năm 2020. Theo đó, lợi nhuận sau thuế đạt 143 tỷ, vượt kế hoạch đặt ra 102,88%. Điều này cho thấy, Công ty đã tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh, mức tăng của chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp thấp hơn mức tăng của lợi nhuận gộp.. Dự kiến trong năm 2022, khi dịch bệnh được kiểm soát và việc tiêm chung vaccine toàn dân được thực hiện, với sự mở rộng quy mô của Doanh nghiệp, doanh thu các năm tiếp theo sẽ tăng trưởng mạnh mẽ.

- **Các chỉ tiêu chuyên môn đã thực hiện năm 2021**

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LƯỢT KHÁM VÀ ĐIỀU TRỊ NĂM 2021

Đơn vị: lượt

Đơn vị	Ngoại trú	Nội trú	Theo khoa						
			Phục hồi chức năng	Hồi sức cấp cứu	Khoa Liên chuyên khoa	Khoa Nội	Khoa Sản	Khoa Ngoại	Khoa Nhi
Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên	290.365	23.073	1.652	1.937	3.057	4.630	3.291	3.901	4.557
Bệnh viện Đa khoa Yên Bình Thái Nguyên	85.236	9.513	461	1.517	1.107	1.807	1.214	1.978	1.429
Tổng	**375.601**	**32.586**	**2.113**	**3.454**	**4.164**	**6.437**	**4.505**	**5.879**	**5.986**

- **Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh**

Nguồn: BCTC năm 2021

Tiêu chí	Đơn vị	2020	2021	% tăng/giảm
Doanh thu thuần	VNĐ	335.604.966.911	412.425.997.419	22,89%
Lợi nhuận gộp	VNĐ	155.687.796.095	210.669.337.919	35,32%
Lợi nhuận trước thuế	VNĐ	111.979.118.993	146.840.721.490	31,13%
Lợi nhuận sau thuế	VNĐ	108.969.174.901	142.724.369.002	30,98%

Năm 2021 Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên ghi nhận doanh thu thuần 412,4 tỷ tăng 22,89% so với năm 2020, và chi phí giá vốn hàng bán chỉ tăng 12% từ 179 tỷ đồng lên 201 tỷ đồng. Do đó, lợi nhuận gộp 2021 tăng lên 55 tỷ, tương ứng 35,32% so với năm trước.

Trong khi đó, chi phí hoạt động tài chính tăng từ hơn 28 tỷ lên hơn 42 tỷ. Mức chi phí hoạt động tài chính tăng cao như vậy là do lãi vay từ các khoản vay ngắn và dài hạn. Các khoản vay ngắn hạn với tổng giá trị vay là 70,18 tỷ. Các khoản vay dài hạn lần lượt có hạn mức là 138 triệu tại Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn – CN Thái Nguyên; 85,98 tỷ tại Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên; 16,84 tỷ từ Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Thái Nguyên; 184 tỷ từ ngân hàng BIDV và 18,54 tỷ từ ngân hàng Vietcombank; và

việc chi trả lãi cho các khoản vay phát sinh này đã khiến chi phí tài chính của doanh nghiệp tăng đột biến. Việc vay vốn này là cấn thiết nhằm bổ sung vốn lưu động và đầu tư vào tài sản của doanh nghiệp trong quá trình mở rộng quy mô, tăng số lượng giường bệnh nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân. Ngoài ra, chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng lên gần 6,798 tỷ, tăng 44, 74% so với năm trước.

Tuy một số chi phí tăng cao, nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 30,98% so với năm trước, đạt gần 143 tỷ đồng. Điều đó cho thấy Công ty đã làm tốt trong công tác quản lý chi phí và tối ưu hóa lợi nhuận.

Do hoạt động trong ngành Bệnh viện, thuế thu nhập doannh nghiệp chỉ chiếm 10% lợi nhuận trước thuế, đây là một lợi thế rất lớn của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động kinh doanh.

- **Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận**

Cơ cấu doanh thu theo nhóm dịch vụ

ĐVT: VNĐ

Doanh thu thuần theo nhóm dịch vụ	Năm 2020		Năm 2021	
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)
Doanh thu dịch vụ khám chữa bệnh	333.382.603.331	99,34%	407.502.803.966	98,81%
Doanh thu dịch vụ khám sức khỏe	1.559.449.238	0,46%	3.845.432.170	0,93%
Doanh thu thầu	123.636.327	0,04%	65.454.552	0,02%
Doanh thu từ bất động sản đầu tư	-	0,00%	567.272.727	0,14%
Doanh thu khác	539.278.015	0,16%	445.034.004	0,11%
Tổng cộng	**335.604.966.911**	**100%**	**412.425.997.419**	**100%**

Doanh thu của Công ty gần như toàn bộ đến từ hoạt động cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh, chiếm đến khoảng 98,81% trên tổng cơ cấu doanh thu bởi đây là dịch vụ kinh doanh chính của Công ty. Có thể thấy, tuy doanh thu từ dịch vụ khám sức khỏe chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ nhưng đã tăng gần 2,5 lần chỉ sau 01 năm, từ hơn 1,5 tỷ đồng lên hơn 3,8 tỷ đồng. Đây là một mức tăng ấn tượng, thể hiện tiềm năng phát triển của bệnh viện trong mảng dịch vụ này.

Cơ cấu doanh thu theo hai bệnh viện

STT	Bệnh viện	Doanh thu (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên	268.199	65,02%
2	Bệnh viện Đa khoa Yên Bình Thái Nguyên	144.226	34,98%
	Tổng	**412.425**	**100%**

Mặc dù đi vào hoạt động sau, dự án Bệnh viện Đa khoa Yên Bình vẫn chứng tỏ được tiềm năng khai thác rất lớn khi chiếm tới 34,01% doanh thu của toàn công ty. Dự kiến khi Bệnh viện Đa khoa Yên Bình giai đoạn II hoàn thành, có thể đón tiếp ngày càng nhiều người dân đến khá bệnh, doanh thu của Công ty sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ.

CƠ CẤU DOANH THU THEO BỆNH VIỆN (%)

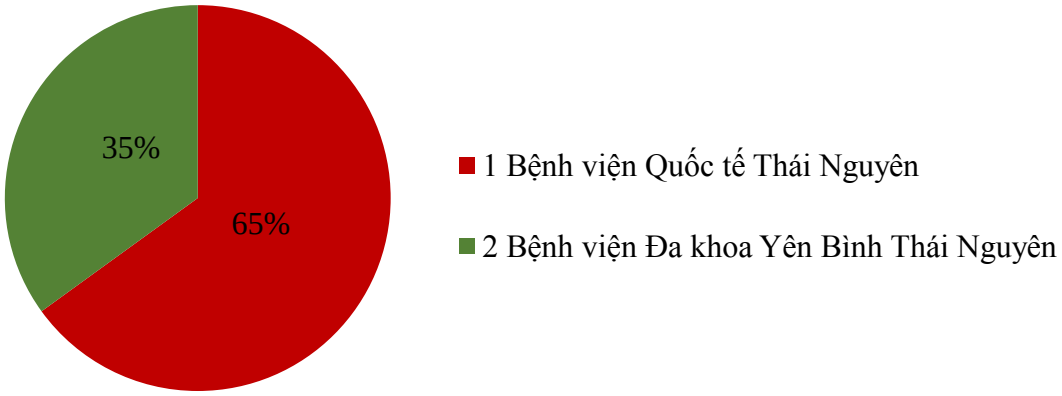

3.2. Tổ chức và nhân sự

- **Những thay đổi của Ban điều hành trong năm**

STT	Tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1.	Ông Trần Thiện Sách	Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành	30/06/2021	

- **Nhân sự và chính sách nhân sự**
- **Cơ cấu nhân sự**

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng
I	**Theo trình độ lao động**	**627**	**100%**
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	273	43,5%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	335	53,4%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	2	0,3%
4	Lao động phổ thông	17	2,7%
II	**Theo đối tượng lao động**	**627**	**100%**
1	Lao động trực tiếp	380	60,6%
2	Lao động gián tiếp	247	39,4%
III	**Theo giới tính**	**627**	**100%**
1	Nam	177	28,2%
2	Nữ	450	71,8%
	Tổng cộng	**627**	**100%**

- **Chính sách đào tạo**

Mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng:

- Nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng nhu cầu công việc, phát triển nguồn nhân lực và nâng cao chất lượng bệnh viện.
- Trang bị kiến thức các kỹ năng về nghiệp vụ, lý luận chính trị, quản lý hành chính, quản lý bệnh viện và bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.
- Nguyên tắc đào tạo, bồi dưỡng:
- Đào tạo, bồi dưỡng phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, tiêu chuẩn viên chức quản lý và kế hoạch đào tạo được xây dựng hàng năm theo nhu cầu cụ thể.
- Đảm bảo tính công khai, minh bạch, hiệu quả trong công tác đào tạo, bồi dưỡng.
- Khuyến khích tinh thần học tập nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu công tác, nhiệm vụ.
- Đảm bảo thực hiện đúng các chế độ đào tạo theo quy định của pháp luật và quy chế chi tiêu nội bộ của bệnh viện.

- **Chính sách lương thưởng và phúc lợi**

Công ty đã và đang tiếp tục cải thiện chính sách lương, thưởng phù hợp với từng vị trí công việc, kỹ năng và trình độ chuyên môn của cán bộ nhân viên nhằm ghi nhận đúng mức năng lực và kết quả công việc của từng cá nhân, đồng thời tạo động lực khuyến khích cán bộ nhân viên phát huy năng lực, trách nhiệm để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc.

Có chế độ đãi ngộ hợp lý đối với những lao động có năng lực quản lý và trình độ chuyên môn cao, có nhiều ý tưởng trong nghiên cứu mang lại lợi ích cho Công ty.

Ngoài chế độ tiền lương Công ty thực hiện đầy đủ công bằng các chế độ chính sách khuyến khích người lao động như tiền lễ tết, thưởng hoàn thành kế hoạch, tạo cho người lao động yên tâm để gắn bó và làm việc hết mình cho doanh nghiệp.

3.3. Tình hình đầu tư thực hiện dự án

Kế hoạch đầu tư Bệnh viện đa khoa Yên Bình Thái Nguyên giai đoạn 2: Từ năm 2021 đến năm 2024 đầu tư xây dựng thêm 150 giường bệnh, nâng tổng số giường bệnh của Bệnh viện lên thành 300 giường với tổng mức đầu tư là 498,48 tỷ đồng.

- **Nội dung đầu tư**

Dự án đầu tư Bệnh viện đa khoa Yên Bình Thái Nguyên giai đoạn 2 được thực hiện theo Quyết định số 3170/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Bệnh viện đa khoa Yên Bình Thái Nguyên. Cụ thể, từ năm 2021 đến năm 2024, Công ty sẽ tiến hành đầu tư xây dựng thêm 150 giường bệnh, nâng tổng số giường bệnh của Bệnh viện từ 150 giường như hiện tại lên thành 300 giường.

- **Tổng mức đầu tư**

Tổng mức đầu tư dự án là 498,48 tỷ đồng. Trong đó giai đoạn 1 đã đầu tư 270,82 tỷ đồng, và giai đoạn 2 sẽ được đầu tư với số vốn 227,66 tỷ đồng.

- **Nguồn vốn thực hiện**

Công ty dự kiến sử dụng một phần nguồn vốn từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019, 2020 để thực hiện đầu tư dự án Bệnh viện đa khoa Yên Bình Thái Nguyên giai đoạn 2 với giá trị 127,66 tỷ đồng, tương đương tỷ lệ 56% tổng mức đầu tư giai đoạn 2 và sẽ huy động từ các tổ chức tín dụng với giá trị khoảng 100 tỷ đông, tương đương tỷ lệ huy động dự kiến khoảng 44% tổng mức đầu tư giai đoạn II.

- **Tiến độ triển khai đến thời điểm hiện nay**

Hiện nay, dự án Bệnh viện đa khoa Yên Bình Thái Nguyên giai đoạn 2 đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ thiết kế bản vẽ công trình nhưng chưa triển khai thi công. Điều này là do Bệnh viện đa khoa Yên Bình Thái Nguyên giai đoạn 1 kể từ khi đi vào hoạt động đến nay đã được gần 2 năm, hiện đã sử dụng vượt công suất khoảng 200% với số giường thực kê là 302 giường trên tổng số trên giường kế hoạch là 150 giường. Mặc dù vậy, đây chưa phải công suất tối đa mà Bệnh viện đa khoa Yên Bình Thái Nguyên có thể đáp ứng, với mức công suất tối đa dự kiến là 350 đến 400 giường. Ngoài ra, do tình hình dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp, nên tạm thời Công ty cũng chưa tiến hành triển khai thi công giai đoạn 2 của dự án này.

Trong năm 2021, Công ty cũng chủ trương góp vốn đầu tư xây dựng thêm các Bệnh viện Mắt TNH Thái Nguyên (vốn đầu tư 165 tỷ đồng – TNH sở hữu 66,7% vốn góp của pháp nhân thực

hiện dự án) và Bệnh viện Phụ sản TNH Thái Nguyên (vốn đầu tư 330 tỷ đông – TNH sở hữu 79,7% vốn góp của pháp nhân thực hiện dự án). Trong đó, Bệnh viện Phụ sản TNH Thái Nguyên dự kiến hoạt động tại tòa nhà 10 tầng cũ (xây năm 2014) của Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên; và Bệnh viện Mắt TNH Thái Nguyên dự kiến đầu tư xây dựng trên quỹ đất còn lại của Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên, và một phần khác Công ty dự kiến mua hoặc thuê giáp với Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên.

Tuy nhiên, do Công ty chưa hoàn tất việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông để huy động vốn góp vào doanh nghiệp đăng ký thực hiện dự án; nên các pháp nhân này vẫn là các Công ty liên kết, chưa pháp là công ty con của Công ty. Do tình hình dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp, nên Công ty vẫn đang phối hợp với các đơn vị liên quan để tiến hành các thủ tục pháp lý để đăng ký thực hiện dự án với UBND tỉnh Thái Nguyên; trong đó dự kiến Quý II/2022 sẽ thực hiện xong thủ tục pháp lý đối với Bệnh viện Phụ sản TNH Thái Nguyên và trong năm 2022 sẽ thực hiện xong thủ tục pháp lý đối với Bệnh viện Mắt TNH Thái Nguyên.

Ngoài ra, Công ty cũng đang tiến hành các thủ tục để đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa TNH Việt Yên quy mô 300 giường bệnh tại KDC Nguyễn Thế Nho, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; với tổng vốn đầu tư dự kiến tối thiểu 495 tỷ đồng, mật độ xây dựng 40%, quy mô xây dựng tối đa 15 tầng trên diện tích công ty đã trúng đấu giá (ngày 03/03/2022) 5.486,5m2. Trong năm 2022, Công ty dự kiến sẽ triển khai xong các thủ tục pháp lý cần thiết để tiến hành đầu tư xây dựng ngay Bệnh viện này, để dự kiến năm 2023 sẽ đưa Bệnh viện đi vào hoạt động (một phần hoặc toàn bộ dự án).

3.4. Tình hình tài chính

- **Tình hình tài chính**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021

Chỉ tiêu	ĐVT	2020	2021	Tăng/giảm
Tổng tài sản	VNĐ	1.157.095.445.221	1.285.919.127.424	11,13%
Doanh thu thuần	VNĐ	335.604.966.911	412.425.997.419	22,89%
Doanh thu từ hoạt động tài chính	VNĐ	7.948.015	11.760.972	48,0%
Thu nhập khác khác	VNĐ	10.051.235	200.886.377	1898,6%
Lợi nhuận trước thuế	VNĐ	111.979.118.993	146.840.721.490	31,12%
Lợi nhuận sau thuế	VNĐ	108.969.174.901	142.724.369.002	30,98%

Tổng doanh thu năm 2021 của doanh nghiệp đạt gần 412,425 tỷ đồng, tăng 22,8% so với năm 2020. Tổng tài sản tăng 11,1% do năm 2021 Doanh nghiệp đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và đầu tư trang thiết bị khám chữa bệnh, phục vụ công tác khám chữa bệnh. Lợi nhuận từ hoạt động

tài chính tăng mạnh, nhưng không đáng kể trong cơ cấu lợi nhuận, năm 2021 chỉ hơn 11 triệu đồng. Việc doanh thu tăng tới 22,8% và công tác quản lý chi phí hợp lý đã góp phần thúc đẩy lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp cũng tăng 31,1%.

- **Các chỉ tiêu tài chính cơ bản**

Chỉ tiêu	ĐVT	2020	2021	Tăng/giảm
1. Hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,32	0,75	-0,57
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,23	0,7	-0,53
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số nợ/tổng tài sản	%	44,90	39,33	-5,57%
Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	%	81,50	64,81	-16,69%
3. Hệ số năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	22,58	17,42	-5,16
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,33	0,31	-0.02
4.Hệ số khả năng sinh lời				
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	32,47	34,61	2,14%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH (ROE)	%	18,69	20,13	1,44%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	10,70	11,68	0,98%
Hệ số lợi nhuận thuần từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	33,41	35,57	2,16%

- **Hệ số khả năng thanh toán**

Hệ số thanh toán ngắn hạn của Doanh nghiệp giảm 0,57 lần so với năm 2020, dừng ở mức 0,75 lần. Hệ số thanh toán nhanh giảm 0,53 lần, còn 0,7 lần. Việc giảm các hệ số khả năng thanh toán là do trong năm, doanh nghiệp đã vay thêm các khoản vay mới, trong đó, nợ ngắn hạn của công ty đã tăng từ 136,5 tỷ lên 259,1 tỷ đồng. Việc vay vốn sẽ giúp doanh nghiệp bổ sung nguồn lực trong việc tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng cho dự án Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên giai đoạn II và Bệnh viện Yên Bình Thái Nguyên.

- **Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**

Hệ số Nợ/Tổng tài sản và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu đều giảm và giảm lần lượt là 5,57% và 16,69%. Năm 2021, Công ty đã thực hiện vay các khoản nợ ngắn hạn và dài hạn để đầu tư tài

sản, mua sắm trang thiết vị, xây dựng tài sản cố định. Tổng nợ phải trả của công ty là 505,7 tỷ, giảm 13,9 tỷ đồng so với năm 2020. Mức độ vay nợ của Doanh nghiệp để tài trợ cho tài sản vẫn đang ở mức an toàn và Công ty vẫn đang kiểm soát vay nợ hợp lý và ổn định.

- **Hệ số năng lực hoạt động**

Vòng quay hàng tồn kho giảm từ 22,58 xuống còn 17,42. Nguyên nhân là do giá vốn hàng bán tăng 12% trong khi hàng tồn kho của doanh nghiệp tăng 5%, từ 4,6 tỷ lên hơn 11 tỷ đồng.

Hệ số doanh thu thuần/tổng tài sản giảm 0,02 lần. Tổng tài sản trong năm 2021 đã tăng 11,14% lên gần 129 tỷ. Việc tăng tài sản sẽ là tiền đề để Doanh nghiệp tiếp tục mở rộng quy mô, tăng lượng khách hàng đến khám chữa bệnh, từ đó gia tăng doanh thu vào các năm tiếp theo.

- **Hệ số khả năng sinh lời**

Hai chỉ số quan trọng là ROE và ROA đều có xu hướng tăng nhẹ trong năm 2021, theo thứ tự, tăng 1,44% và 0,98.

3.5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn chủ sở hữu

- **Tình hình cổ phiếu trong năm**

Thông tin cổ phiếu	
Vốn điều lệ	415.000.000.000 đồng
Số lượng cổ phiếu niêm yết	41.500.000 cổ phiếu
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu lưu hành	41.500.000 cổ phiếu
Cổ phiếu quỹ	0
Mệnh giá	10.000 đồng

- **Cơ cấu cổ đông**

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 02/11/2021

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ trọng (%)
I	**Cổ đông trong nước**	**3.682**	35.133.200	**84,66**
1	Cổ đông tổ chức	12	467.759	1,13
2	Cổ đông cá nhân	3.670	34.665.441	83,53
II	**Cổ đông nước ngoài**	**49**	6.366.800	**15,34**

1	Cổ đông tổ chức	18	5.564.400	13,41
2	Cổ đông cá nhân	31	802.400	1,93
	Tổng cộng	**3.731**	**41.500.000**	**100**

- **Danh sách cổ đông lớn**

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 02/11/2021

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ trọng (%)
1	Hoàng Tuyên	1514 CT5X2, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Tp Hà Nội	4.000.000	9,64%
2	Nguyễn Văn Thủy	Xóm Vàng. Tân Hương. Phổ Yên. Thái Nguyên	2.346.400	5,65%
	Tổng		**6.346.400**	**15,29%**

- **Thay đổi vốn góp của chủ sở hữu**

Thời gian	Vốn điều lệ
Tháng 03/2012	27.748.000.000 VNĐ
Tháng 12/2016	69.464.000.000 VNĐ
Tháng 02/2017	150.000.000.000 VNĐ
Tháng 12/2017	270.000.000.000 VNĐ
Tháng 03/2018	350.000.000.000 VNĐ
Tháng 03/2019	415.000.000.000 VNĐ

4. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

4.1. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh

Năm 2021 là năm đánh dấu các làn sóng dịch bệnh bùng phát với quy mô và cường độ dữ dội hơn 2020 trên toàn cầu. Từ tháng 3/2021, thế giới ghi nhận làn sóng dịch bùng phát mạnh tại nhiều quốc gia với biến thể Delta khả năng lây nhiễm nhanh và mạnh, đặc biệt là biến thể Omicron xuất hiện từ tháng 11/2021 với độ lây nhiễm cao hơn nhiều so với biến chủng Delta, lây lan đối với cả người tiêm đủ 2 mũi Vắc sin, tăng nguy cơ quá tải hệ thống y tế và tử vong

nhiều người. Đến nay có hơn 120 nước ghi nhận các ca biến thể Omicrono, trong đó có Việt Nam.

Diễn biến đại dịch Covid 19, đặc biệt trong năm 2021, cho thấy hệ thống y tế, kể cả tại các quốc gia phát triển đều trở lên quá tải và khủng hoảng khi đối diện với làn sóng lây nhiễm lớn. Đại dịch Covid 19 đang đe dọa và làm đảo ngược các thành tựu y tế trên toàn cầu. Mục tiêu phát triển bền vững của nhân loại trở lên khó khăn hơn bao giờ hết.

Trong bối cảnh đặc biệt thách thức 2021, hệ thống y tế Việt Nam đã vượt qua được giới hạn, có tính chất cấp bách phòng chống dịch, với sự nỗ lực của toàn bộ hệ thống, các lực lượng y tế tuyến đầu đã trụ vững trong thời điểm thách thức nhất, ngăn chặn được dịch bệnh leo thang lên mức khủng hoảng và thảm họa y tế như nhiều quốc gia khác trên thế giới.

Đứng trước tình hình đó, Tỉnh Thái Nguyên chỉ đạo quyết liệt, linh hoạt để thực hiện mục tiêu kép, vừa chống dịch vừa bảo vệ sức khỏe, vừa phục hồi phát triển kinh tế xã hội. Tỉnh đã thành lập 3 bệnh viện điều trị covid với tổng số 1,1 nghìn giường bệnh. Công tác xét nghiệm PCR là 274 nghìn mẫu. kết thúc năm 2021, tỉnh đã tiêm hơn 1.6 triệu liều vắc sin. Công tác khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế được ngành y tế đảm bảo đầy đủ nhân lực, vật tư, thiết bị, bố trí giường bệnh, phương tiện cấp cứu, sẵn sàng đáp ứng, phục vụ tốt nhất các trường hợp phải đến viện khám chữa bệnh. Kết thúc năm 2021 GDP toàn tỉnh đạt 6.51% cao hơn rất nhiều so với tình hình chung của cả nước.

Trước tình hình đó, toàn thể cán bộ nhân viên Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên đã nỗ lực hết mình vừa đảm bảo thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh mà Đại hội cổ đông giao phó. Đồng thời hỗ trợ Tỉnh phòng chống dịch covid 19. Năm 2021, tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty cổ phần Bệnh viện quốc tế Thái Nguyên như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	% kế hoạch
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	420	412	98,10%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	139	143	102,88%

Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty mặc dù chưa đạt được kế hoạch đề ra nhưng đã đạt gần 98,10%, tăng 23% so với năm 2020. Theo đó, lợi nhuận sau thuế đạt 143 tỷ, vượt kế hoạch đặt ra 102,88%. Điều này cho thấy, Công ty đã tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh, mức tăng của chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp thấp hơn mức tăng của lợi nhuận gộp.. Dự kiến trong năm 2022, khi dịch bệnh được kiểm soát và việc tiêm chung vaccine toàn dân được thực hiện, với sự mở rộng quy mô của Doanh nghiệp, doanh thu các năm tiếp theo sẽ tăng trưởng mạnh mẽ.

4.2. Tình hình tài chính

- **Tình hình tài sản**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021

Chỉ tiêu	2020		2021		Tăng/giảm
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	
A. Tài sản ngắn hạn	179.662.516.015	15,50%	193.674.065.461	15,06%	8%
B. Tài sản dài hạn	977.432.929.206	84,50%	1.092.245.061.963	84,94%	12%
Tổng tài sản	**1.157.095.445.221**	**100%**	1.285.919.127.424	**100%**	**11%**

Tổng tài sản năm 2021 là gần 1.285 tỷ đồng, tăng 11% so với năm 2020. Tài sản ngắn hạn tăng 8% so với năm 2020. Chủ yếu khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền có sự biến động lớn (Tăng từ 23,4 tỷ lên 133,57 tỷ) và khoản phải trả cho người bán ngắn hạn giảm từ 113 tỷ xuống còn 34 tỷ. Do quá trình hoạt động, xây dựng dự án mở rộng quy mô bệnh viện và cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh cho người dân, các khoản trả trước người bán đã được thực hiện và đi vào khoản mục chi phí, trở thành chi phí hoạt động của năm 2021, tạo tiền đề cho mức doanh thu tăng trưởng 22,8%.

- **Tình hình nợ phải trả**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021

Chỉ tiêu	2020		2021		Tăng/giảm
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	
A. Nợ ngắn hạn	136.502.988.582	26,30%	259.155.426.766	51,25%	89,95%
B. Nợ dài hạn	383.090.245.332	73,70%	246.537.120.349	48,75%	-11,63%
Nợ phải trả	**519.593.233.914**	**100%**	**505.692.547.115**	**100,0%**	**-2,68%**

Tại thời điểm ngày 31/12/2021, tổng nợ phải trả của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên là hơn 506 tỷ đồng, giảm 2,68% so với năm trước. Nợ ngắn hạn tăng 90% lên hơn 259 tỷ đồng, trong khi đó, nợ dài hạn giảm 11,6%, xuống 338 tỷ đồng.

Trong cơ cấu nợ ngắn hạn, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tăng 133% từ 98,04 tỷ lên 228,67 tỷ đồng. Trong khi đó, phải trả người bán ngắn hạn giảm 17,43% từ 26,63 tỷ giảm 21,99 tỷ đồng.

Nợ dài hạn giảm 36% từ 383 tỷ xuống 246,5 tỷ. Trong đó doanh thu chưa thực hiện dài hạn giảm 3,09% từ 7,76 tỷ xuống 7,51 tỷ, vay và nợ thuê tài chính dài hạn giảm từ 375 tỷ xuống còn 239 tỷ, giảm 36%.

Việc vay vốn tại các ngân hàng nhằm phục vụ mục đích hoàn thiện và đưa hai dự án Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên giai đoạn II và Bệnh viện đa khoa Yên Bình Thái Nguyên đi vào hoạt động. Các khoản nợ này đang được doanh nghiệp kiểm soát tốt và mức độ vay nợ ở trong khoảng an toàn.

4.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

STT	Tiêu chí	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021	Tỷ trọng năm 2020	Tỷ trọng năm 2021
I	**Theo trình độ lao động**					
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	Người	303	273	42,14%	43,5%
2	Trình độ Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp	Người	393	335	54,66%	53,4%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	Người	11	2	1,53%	0,3%
4	Lao động phổ thông	Người	12	17	1,67%	2,7%
II	**Theo đối tượng lao động**					
1	Lao động trực tiếp	Người	584	380	81,22%	60,6%
2	Lao động gián tiếp	Người	135	247	18,78%	39,4%
III	**Theo giới tính**					
1	Nam	Người	209	177	29,07%	28,2%
2	Nữ	Người	510	450	70,93%	71,8%
	Tổng cộng	**Người**	**719**	**627**	**100%**	**100%**

- **Cơ cấu theo trình độ lao động**

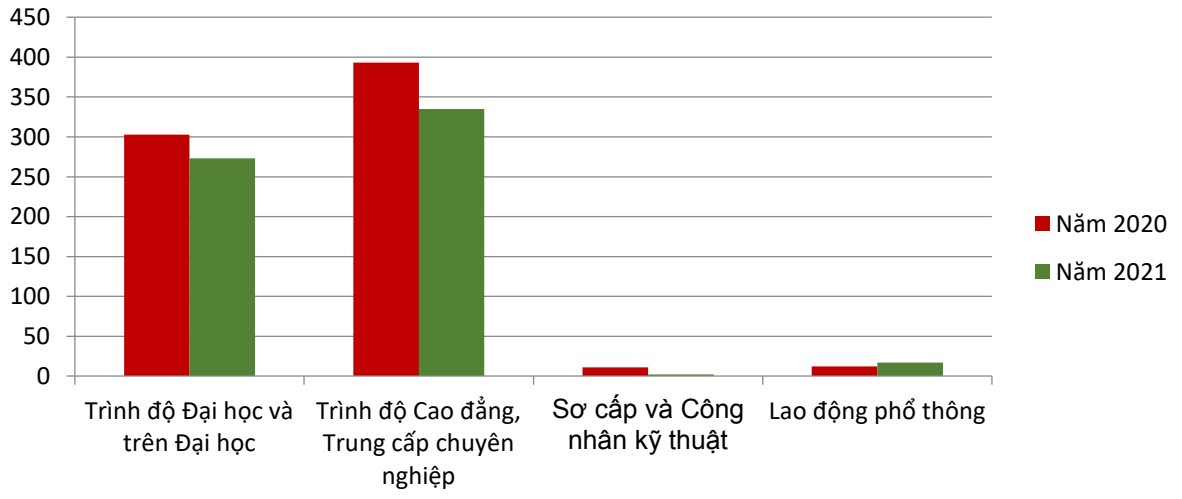

4.4. Phương hướng phát triển

Với nhu cầu khám chữa bệnh ngày càng tăng cao của người dân các tỉnh Tây Bắc Bộ, các khó khăn đến từ tình hình kinh tế vĩ mô, bên cạnh đó là diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 nửa đầu năm 2021, Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên đã đưa ra mục tiêu, kế hoạch kinh doanh cho năm 2021 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH Năm 2021	KH Năm 2022
Doanh thu	412.425	433.000
Lợi nhuận sau thuế	142.724	150.000
Mức cổ tức	Không quá 30%	Không quá 35%

Đồng thời công ty tiếp tục đầu tư các dự án mới: Bệnh viện phụ sản TNH; Bệnh viện TNH Việt Yên – Bắc Giang, phục vụ nhu cầu người dân trên địa bàn toàn tỉnh và các tỉnh lân cận, tiếp tục công tác quản trị tốt doanh thu, chi phí để đảm bảo lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trong năm 2022 giữ vững mức ổn định.

- **Các giải pháp thực hiện kế hoạch**

Lập kế hoạch mua sắm thuốc, vật tư, hóa chất sẵn sàng cho công tác khám chữa bệnh, khắc phụ giảm dần các thiếu sót trong quá trình khám chữa bệnh, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh của hai bệnh viện.

Tập trung làm tốt công tác đào tạo chuyên môn, nâng cao tay nghề khám chữa bệnh đối với đội ngũ y bác sĩ. Chuẩn bị đầy đủ nhân sự và phương tiện khám chữa bệnh cho các dự án.

Hoàn thiện cơ cấu tổ chưucs và xây dựng ngày càng hoàn chỉnh hệ thống các quy chế, quy trình, quy định phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Thực hiện tổ chức quản lý tài sản, đất đai, máy móc thiết bị y tế sử dụng và khai thác hiệu quả tài sản của Công ty.

Thực hiện đề án nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động.

Thực hiện tốt công tác tối ưu hóa chi phí trong sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng.

Phối hợp công đoàn tổ chức các hoạt động văn hóa tinh thần, chăm sóc sức khỏe và cải thiện tốt nhất điều kiện ăn ở, sinh hoạt của CBCNV, phát động các phong trào thi đua có tổng kết đánh giá, khen thưởng kịp thời.

5. BÁO CÁO CỦA HĐQT

5.1. Đánh giá của HĐQT về mọi mặt của Công ty

Thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 với các chỉ tiêu và nhiệm vụ sát thực tế. HĐQT Công ty đã chỉ đạo quyết liệt, cùng sự nỗ lực của Ban Tổng giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên, y sĩ, bác sĩ và sự ủng hộ của Quý cổ đông, năm 2021 Công ty đã vượt qua các khó khăn thách thức của nền kinh tế thị trường, hoàn thành tốt các chỉ tiêu về doanh thu

đã đề ra, tiếp tục khẳng định uy tín của Bệnh viện và là tiền đề cho sự ổn định và phát triển cho năm 2022.

Trong năm 2021, HĐQT Công ty đã chủ trương điều chỉnh kịp thời giá viện phí của Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên và Bệnh viện đa khoa Yên Bình Thái Nguyên sát với diễn biến giá của thị trường, phù hợp với diễn biến tình hình dịch bệnh và nhu cầu cầu khám chữa bệnh hợp lý của người dân cũng như phù hợp với cơ sở vật chất, trang thiết bị mà công ty mới đầu tư; đảm bảo doanh thu, lợi nhuận của Công ty sát với các kế hoạch đã đề ra.

Để đảm bảo định hướng phát triển lâu dài, Công ty đã thông qua chủ trương liên kết đầu tư xây dựng mới 02 bệnh viện chuyên khoa tại Thái Nguyên bao gồm Bệnh viện Mắt TNH Thái Nguyên và Bệnh viện Phụ sản TNH Thái Nguyên. Ngoài ra, đầu năm 2022, Công ty đã đấu giá thành công quyền sử dụng đất để thực hiện dự án Bệnh viện đa khoa TNH Việt Yên, với quy mô 300 giường bệnh, tổng vốn đầu tư hơn 495 tỷ đồng, đây là bước đầu tiên để công ty tiếp tục vươn ra các thị trường khác ngoài địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Dưới đây là một số các kết quả tự hoạt động sản xuất kinh doanh đạt được năm 2021 của Doanh nghiệp:

Chỉ tiêu	Thực hiện (Tỷ đồng)		KH	%	
	2020	2021	2021	So với KH	So với 2020
Doanh thu	335,6	412.42	420	98,2%	122,9%
Lợi nhuận sau thuế	108,97	142.72	139	102,67%	130,1%

Doanh thu năm 2021 của Công ty đã tăng 22,9% so với năm 2020 lên 412,42 tỷ. Nhờ tối ưu chi phí mà lợi nhuận sau thuế của công ty vẫn tăng 30,1% so với năm trước và đạt 102% so với kế hoạch đã đề ra.

5.2. Đánh giá của HĐQT về Ban Tổng giám đốc

Trong năm 2021, HĐQT đã thực hiện tốt việc giám sát hoạt động điều hành, quản trị Công ty và triển khai các kế hoạch của HĐQT giao Ban Tổng giám đốc triển khai thực hiện liên quan đến các kế hoạch, dự án nhằm xây dựng và phát triển kế hoạch kinh doanh của Công ty, các cuộc họp liên quan đến bổ nhiệm nhân sự.

Hội đồng quản trị đã ban hành các văn bản về việc phân cấp, phân quyền, ủy quyền cho các thành viên Ban tổng Giám đốc Công ty thực hiện một số công việc kinh doanh và các hồ sơ liên quan đến hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị cũng đã tiến hành tổ chức các cuộc họp định kỳ, đột xuất phát sinh theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp nhằm phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng Giám đốc trong quá trình chỉ đạo điều hành, trực tiếp tham gia tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong hoạt động kinh doanh.

- **Kết quả hoạt động của Ban Tổng giám đốc năm 2021**

Ban Tổng giám đốc cùng các cán bộ quản lý là những người giàu nhiệt huyết, tay nghề cao trong ngành Y tế cũng như kinh nghiệm điều hành hiệu quả trong quản trị Doanh nghiệp và định hướng

hoạt động kinh doanh của Bệnh viện. Trong năm 2021, HĐQT đã đồng hành, giám sát mọi hoạt động của Ban Tổng giám đốc cũng như các cán bộ quản lý nhằm đảm bảo mọi hoạt động của Công ty đều được thực hiện một cách minh bạch, đúng pháp luật, Điều lệ công ty, phương hướng của ĐHĐCĐ và HĐQT đã đề ra.

Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý thực hiện báo cáo đầy đủ các hoạt động của Công ty, các dự án đầu tư, các giải trình liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, trước tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp trong nước và trên thế giới, Ban Giám đốc phối hợp cùng HĐQT đã có các chiến lược, biện pháp chủ động để thích nghi với tình hình thực tế.

- **Kết luận**

Như vậy, Ban Tổng giám đốc đã cho thấy năng lực trong cả hoạt động quản lý và trong cả hoạt động khám chữa bệnh khi hoàn thành các nhiệm vụ được giao, tuân thủ đầy đủ và chấp hành các quy trình, quy định đề ra theo pháp luật, Điều lệ công ty và định hướng phát triển của Doanh nghiệp, đảm bảo được lợi ích của cổ đông, Doanh nghiệp và các các cán bộ công nhân viên của Bệnh viện.

5.3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT

- **Định hướng trung và dài hạn**
  - Khắc phục các tồn tại và tiếp tục tái cơ cấu mô hình quản trị và quản lý cơ chế phân quyền, quyền lợi gắn với trách nhiệm để tăng hiệu quả quản lý, chuyên môn hóa, quản lý chuyên nghiệp, từng bước mở rộng quy mô trong nước và quốc tế.
  - Kiểm soát chặt chẽ quản lý chất lượng dịch vụ, chi phí và lợi nhuận để đưa ra các chiến lược nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh, đưa ra các chiến lược để giải quyết các vấn đề vướng mắc cũng như những khó khăn gặp phải trước các biến động kinh tế.
  - Tiếp tục giám sát và chỉ đạo hoạt động của Ban Tổng giám đốc nhằm thực hiện hiệu quả các chiến lược cũng như kế hoạch kinh doanh đã đề ra trong năm 2021.
  - Tiếp tục cùng Bao Giám đốc hoạch định các chiến lược, cơ hội để mở rộng quy mô Bệnh viện, kinh doanh phát triển bền vững.
  - Đối với các vấn đề về nhân sự: Hoạch định các chính sách tối ưu nhất nằm nâng cao chất lượng nguồn nhân sự y tá, bác sĩ của Công ty.

- **Chỉ tiêu kế hoạch năm sau**

Đơn vị tính:triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
Doanh thu	412.425	433.000
Lợi nhuận trước thuế	146.840	154.000

Lợi nhuận sau thuế	142.724	150.000
Mức cổ tức	Không quá 35%	Không quá 35%

- **Phương hướng thực hiện**
  - Hoạt động cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh là lĩnh vực kinh doanh chính của Doanh nghiệp. Vì vậy, trước những diễn biến của nền kinh tế và dịch bệnh Covid-19, HĐQT đồng hành của Ban Tổng giám đốc tiếp tục duy trì hoạt động, đẩy mạnh tuyển dụng cán bộ y bác sĩ cho Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên giai đoạn II và Bệnh viện Đa khoa Yên Bình Thái Nguyên, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của người bệnh.
  - Đánh giá toàn diện năng lực, quy trình hoạt động kinh doanh cũng như đưa ra những ưu, nhược điểm đang tồn tại, ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của Công ty, đưa ra các chiến lược chi tiêu hợp lý.

6. QUẢN TRỊ CÔNG TY

6.1. Hội đồng Quản trị

Trong năm 2021, HĐQT đã thực hiện tốt các chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định khác của Pháp luật. HĐQT đã thực hiện tốt việc giám sát hoạt động điều hành, quản lý công ty và triển khai các kế hoạch của Ban Tổng giám đốc.

HĐQT đã chủ trì nhiều cuộc họp thông qua: về việc triển khai các kế hoạch, chiến lược nhằm xây dựng và phát triển kế hoạch kinh doanh của Công ty; các vấn đề về tài chính, đầu tư trang thiết bị và xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ mục đích kinh doanh của Bệnh viện.

Ngoài ra, Công ty cũng liên tục thực hiện chuẩn hóa các hoạt động quản trị nội bộ, từ việc sắp xếp lại nhân sự của Ban giám đốc, bổ sung thêm Ủy ban kiểm toán, bổ nhiệm người phụ trách quản trị, thông qua hoặc bổ sung mới một loạt các nội quy, quy định về quản trị công ty quy chế họp ĐHĐCĐ trực tuyến, quy chế hoạt động của HĐQT, BKS, quy chế nội bộ về quản trị công ty, quy chế kiểm toán nội bộ, và đặc biệt nhất là đã tiến hành sửa đổi lại toàn văn Điều lệ Công ty để phù hợp với các quy định mới của pháp luật.

Trong năm vừa qua, HĐQT đã tổ chức 02 buổi họp Đại hội đồng cổ đông và 23 buổi họp HĐQT

- **Thông tin về thành viên HĐQT**

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Số buổi tham dự	Tỷ lệ dự họp
1	Hoàng Tuyên	Chủ tịch HĐQT	29/03/2017	-	23	100%
2	Lê Xuân Tân	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ	29/03/2017	-	23	100%

3	Nguyễn Văn Thủy	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGĐ	29/03/2017	-	23	100%
4	Vũ Hồng Minh	Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành	24/06/2020	-	23	100%
5	Nguyễn Xuân Đôn	Thành viên HĐQT không điều hành	24/06/2020	-	23	100%
6	Trần Thiện Sách	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ	30/06/2021		10	

- **Đánh giá của HĐQT trong năm 2021**

HĐQT đã triệu tập ĐHĐCĐ, dự thảo chương trình họp, thông báo và tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 theo đúng Điều lệ Công ty và quy định của Luật Doanh nghiệp. Căn cứ nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành thực hiện đầy đủ các nội dung mà Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đồng thời, theo sát tình hình biến động về kinh tế, giá cả thị trường, tổ chức nhiều phiên họp nhằm chỉ đạo Ban điều hành đưa ra kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình biến động của nền kinh tế và giá cả vật tư, dịch vụ.

HĐQT đã tổ chức họp theo các hình thức phù hợp để Giám đốc công ty báo cáo tình hình quản trị Công ty..

Hoạt động quản trị Công ty theo đúng Quy chế Quản trị Công ty, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và thường xuyên giám sát, đôn đốc, kiểm tra thực hiện nội dung đã được HĐQT thông qua tại các Nghị quyết ban hành hay các cuộc họp HĐQT. Các Nghị quyết được thông qua đều được Hội đồng quản trị giao cho Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện và báo cáo Hội đồng quản trị. Trong các trường hợp khác, các quyết định của Hội đồng quản trị được lập thành Nghị quyết và giao cho các đơn vị, cá nhân có trách nhiệm liên quan thực hiện.

- **Nghị quyết của HĐQT năm 2021**

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1.	23/NQ-HĐQT	30/01/2021	Điều chỉnh giá viện phí tại Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên	100%
2.	61/QĐ-HĐQT	02/03/2021	Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	100%
3.	74/NQ-HĐQT	11/03/2021	Thông qua nội dung lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	100%

4.	134/NQ-HĐQT	08/04/2021	Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2021	100%
5.	196/NQ-HĐQT	05/05/2021	Thông qua tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2021	100%
6.	214/NQ-HĐQT	05/05/2021	Thông qua việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty	100%
7.	227/NQ-HĐQT	13/05/2021	Thông qua việc bổ sung chương trình họp và cập nhật tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2021	100%
8.	236/NQ-HĐQT	16/05/2021	Thông qua việc hủy bỏ tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2021 vào ngày 26/05/2021 và tổ chức lại vào ngày 30/06/2021	100%
9.	274/NQ-HĐQT	09/06/2021	Thông qua tài liệu họp và thành lập các Ban để tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2021	100%
10.	393/NQ-HĐQT	12/08/2021	Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020	100%
11.	422/NQ-HĐQT	31/08/2021	Điều chỉnh giá viện phí của Bệnh viện Đa khoa Yên Bình Thái Nguyên	100%
12.	515/NQ-HĐQT	12/10/2021	Thông qua việc chốt ngày đăng ký cuối cùng để triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2021	100%
13.	593/NQ-HĐQT	04/11/2021	Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường và thông qua tài liệu họp	100%
14.	629/NQ-HĐQT	16/11/2021	Thay đổi cơ cấu BGĐ và bổ nhiệm 3 nhân sự mới vào BGĐ Công ty	100%
15.	699/NQ-HĐQT	10/12/2021	Huỷ bỏ phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020 tại Nghị quyết số 393/NQ-HĐQT và thay bằng phương án mới	100%
16.	709/NQ-HĐQT	14/12/2021	Thông qua giao dịch với đơn vị liên kết là CTCP BV Phụ sản TNH Thái Nguyên	100%

17.	758/NQ-HĐQT	30/12/2021	Thành lập UB Kiểm toán nội bộ, ban hành Quy chế Kiểm toán nội bộ và và bổ nhiệm người phụ trách Kiểm toán nội bộ	100%

6.2. Ban Kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu	Ngày miễn nhiệm	Số buổi tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Vũ Văn Thành	Trưởng Ban		24/06/2020	2	100%
2	Lê Thị Hảo	Thành viên		24/06/2020	2	100%
3	Hoàng Thắng	Thành viên		24/06/2020	2	100%

6.3. Tổng kết hoạt động của BKS năm 2021

- **Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT**

Ban kiểm soát đã giám sát, kiến nghị Hội đồng quản trị đưa ra các chỉ đạo kịp thời, đưa ra các phương án cải thiện các hoạt động quản trị công ty, việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông và các công việc khác để đảm bảo quyền lợi của cổ đông; cũng như kiến nghị HĐQT giám sát Ban Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc một cách cẩn trọng, tuân thủ đúng pháp luật và Điều lệ Công ty.

- **Hoạt động giám sát của BKS đối với Ban Tổng giám đốc và Bộ máy quản lý**

Ban kiểm soát cũng đã giám sát Ban Tổng giám đốc và các bộ máy quản lý thực hiện đúng chức năng và thẩm quyền, tuân thủ các quy định của pháp luật, đã chủ động đưa ra các phương án, chính sách kinh doanh của Công ty năm 2021. Trên cơ sở đó, Ban Tổng giám đốc đã xây dựng các chiến lược và chính sách linh hoạt đối với người lao động, cũng như bổ nhiệm và miễn nhiệm nhân sự theo đúng chức năng và nhiệm vụ được giao nhằm xây dựng cơ cấu tổ chức ổn định và vững mạnh.

- **Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác**

Trong năm 2021 Ban Kiểm soát đã giám sát 23 cuộc họp của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động của Công ty, các kế hoạch HĐQT và Ban Tổng giám đốc đề ra cũng như giám sát hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã cung cấp kịp thời các Nghị quyết HĐQT và tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát thu nhập các thông tin theo yêu cầu.

6.4. Kế hoạch đào tạo/học tập về quản trị công ty

Trong thời gian vừa qua, các thành viên HĐQT, BKS, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC đã tham gia đào tạo tập huấn và sử dụng hệ thống phần mềm quản trị Doanh nghiệp 1Office, phần mềm quản

lý bệnh viện thông minh BVST, phần mềm quản lý bệnh viện HIS, Phần mềm hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh Pacs.

6.5. Nâng cao hiệu quả quản trị công ty

- **Quản trị tài chính – kế toán**

Công ty đang sử dụng hệ thống phần mềm kế toán Vacom. Việc sử dụng các phần mềm này giúp cho hoạt động quản trị tài chính kế toán được thực hiện rất khoa học, minh bạch, giảm các sai số và rủi ro phát sinh trong hoạt động tài chính, kế toán của Công ty.

- **Quản trị nhân sự**

Công ty đang sử dụng Phần mềm quản lý nhân sự ERP. Công ty đã thành lập Bộ phận pháp chế riêng biệt để thực hiện các nghiệp vụ pháp chế và quản trị nhân sự, có bộ phận bảo hiểm riêng biệt thuộc phòng Kế hoạch tổng hợp để lo chế độ cho người lao động.

Công ty cũng đã triển khai thực hiện việc họp báo cáo công việc thường nhật và giao ban hàng tuần. Nhờ đó Công ty vẫn thực hiện tốt công tác nhân sự

6.6. Giao dịch giữa công ty và các đối tượng khác

Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo):

Stt	Tên Công ty / mối quan hệ	Số Hợp đồng	Ngày ký HĐ	Nội dung HĐ	Giá trị giao dịch
1	Công ty TNHH Xuân Thủy	2705/HĐKT-MMYT	27/05/2019	Cung cấp và lắp đặt MMTBYT-BV ĐK Yên Bình	37.335.417.350
2	Công ty do ông Nguyễn Anh Đĩnh (con trai Phó TGĐ - Ủy viên HĐQT ông Nguyễn Xuân Thủy) là giám đốc, người đại diện theo pháp luật,	478/2019/HĐTC/BVQT-XT	18/07/2019	Hạng mục: Điều hòa, thông gió HAVC	15.350.000.000
3		674/2019/HĐTC/BVQT-XT	23/09/2019	Hạng mục: Khí y tế	4.180.000.000
4		675/2019/HĐTC/BVQT-XT	23/09/2019	Hạng mục: Thang máy	5.720.000.000
5		676/2019/HĐTC/BVQT-XT	23/09/2019	Hạng mục: Điện nhẹ	3.630.000.000

6	ông Nguyễn Văn Thủy là thành viên góp vốn (đã chuyển nhượng hết vốn nhưng vẫn trong thời hạn 3 năm phải báo cáo)	38/2020/HĐXD	02/06/2020	Hạng mục: Sân đường nội bộ, thoát nước và hạ tầng kỹ thuật điện	8.855.000.000
7		2205/HĐKT-MMYT	22/05/2021	Cung cấp, lắp đặt MMTBYT	2.271.060.300
8		15.10/2021/HĐXD	15/10/2021	Công Trình: Nhà khám, chữa bệnh covid – Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên	2.137.153.000
9		21.5/2021/HĐMB	21/05/2021	Xe khám chữa bệnh lưu động	478.500.000
Tổng					**79.957.130.650**
10	Công ty Cổ phần Thăng Long HDI Công ty do Ông Hoàng Tuyên – Chủ tịch HĐQT Công ty là cổ đông sáng lập và người đại diện theo pháp luật	06.2019	06/01/2019	Hợp đồng cung cấp vật tư y tế và hóa chất	884.157.238
		25.2019	02/04/2019	Hợp đồng cung cấp vật tư y tế	73.439.976
Tổng					**957.597.214**

Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành.

Stt	Tên Công ty / mối quan hệ	Số Hợp đồng	Ngày ký HĐ	Nội dung HĐ	Giá trị giao dịch
1	Hợp tác xã Thủy tinh dân chủ *(HTX có Giám đốc, người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Anh Quang – con trai ông Nguyễn Văn Thủy - Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGĐ Công ty)*	03/2020/ HĐXD	09/10/ 2020	Hạng mục: Nhà ăn Bệnh viện Quốc tế	11.236.500.000

Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác: Không

6.7. Giao dịch và thù lao

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021:

	Năm 2020 (VND)	Năm 2021 (VND)
Thu nhập của Ban Tổng giám đốc và HĐTQ	3.239.986.587	4.614.385.123
Cộng	**3.239.986.587**	**4.614.385.123**

6.8. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng…)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Đào Mạnh Duy	Con rể của ông Nguyễn Xuân Đôn – thành viên HĐQT	226.500	0.55%	0	0	Bán
2	Lê Thị Hảo	Thành viên BKS	5.300	0,012771%	0	0	Bán

3	Lê Xuân Tân	Tổng Giám đốc, Phó Chủ tịch HĐQT	88.200	0,21253%	1.500.000	3,61%	Bán
4	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	Con gái của ông Nguyễn Xuân Đôn – thành viên HĐQT	708.000	1,71%	0	0	Bán
5	Hoàng Thao	Anh trai Chủ tịch HĐQT – ông Hoàng Tuyên Bố đẻ ông Hoàng Thắng – thành viên BKS	1.000.000	2,41%	500.000	1,2	Bán
6	Phùng Thị Thông	Vợ TGĐ – Ông Lê Xuân Tân	1.245.000	3%	0	0	Bán
7	Nguyễn Xuân Hiệp	Con rể của ông Nguyễn Xuân Đôn – thành viên HĐQT	1.800.000	4,34%	0	0	Bán

6.9. Quản trị Công ty

- Công ty công bố thông tin đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.
- Tham giá các hội nghị, hội thảo do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tổ chức để cập nhất các quy định, nghị định mới.

7. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

7.1. Mục tiêu chung

Là một trong những Bệnh viện uy tín hàng đầu trong lĩnh vực Y tế, khám chữa bệnh, Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên nhận thức rõ các trách nhiệm của mình trong việc cung cấp dịch vụ đi đôi với bảo vệ môi trường. Doanh nghiệp luôn hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và cam kết tạo nên dịch vụ chuyên nghiệp nhất, đảm bảo yếu tổ phục vụ cộng đồng, bảo vệ môi trường.

Công ty đã đề ra các mục tiêu như sau:

- Nghiêm túc thực hiện các quy định của pháp luật về môi trường trong việc xử lý các chất thải y tế trong công tác hàng ngày của bệnh viện.
- Thực hiện công tác giảm thiểu tối đa rác thải nhựa trong hoạt động của bệnh viện.

- Cùng các chuyên gia nghiên cứu, nâng cao hiệu quả của các trang thiết bị y tế, giảm thiểu tối đa sức lao động của y bác sĩ, tiết kiệm nhiên liệu, nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ người bệnh.
- Hỗ trợ người bệnh trong công tác khám sức khỏe có sử dụng bảo hiểm y tế.
- Xây dựng môi trường làm việc thông thoáng, đảm bảo tận dụng tối đã nguồn ánh sáng và gió tự nhiên nhằm giảm thiểu tiêu hao năng lượng chiếu sáng, điều hòa, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động và sinh hoạt cho cán bộ công nhân viên cũng như bệnh nhân và người nhà.

7.2. Mục tiêu sản phẩm dịch vụ

Mục tiêu hiện tại của Doanh nghiệp là tiếp tục nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, mở rộng mô hình bệnh viện tư nhân sang các tỉnh Hà Nội và Bắc Giang để phục vụ hầu hết người dân các tỉnh vùng trung du miền núi Đông Bắc Bộ.

Để đại được các mục tiêu đã đề ra, Doanh nghiệp luôn tìm cách đổi mới, ứng dụng công nghệ thông tin, các phần mềm quản trị quan hệ khách hàng và chất lượng dịch vụ, nhằm đảm bảo sự hài lòng của bệnh nhân.

Công ty đã thành lập Phòng Truyền thông - Quan hệ khách hàng chuyên trách để chủ động kiểm soát và tăng cường chất lượng dịch vụ cung cấp, cũng như chăm sóc khách hàng sau khi đã ra viện, nhằm giảm thiểu các phàn nàn của khách hàng về các vấn đề phát sinh khi cung cấp dịch vụ.

Chất lượng dịch vụ cung cấp được thực hiện theo đúng quy định của Bộ y tế đối với Bệnh viện hạng III. Sắp tới, Công ty dự kiến sẽ phấn đấu thực hiện nâng cấp thăng hạng lên thành bệnh viện hạng II để cung cấp nhiều các dịch vụ kỹ thuật cao và chất lượng dịch vụ tốt hơn.

7.3. Chính sách người lao động

- **Chính sách đào tạo**

Mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng:

- Nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng nhu cầu công việc, phát triển nguồn nhân lực và nâng cao chất lượng bệnh viện.
- Trang bị kiến thức các kỹ năng về nghiệp vụ, lý luận chính trị, quản lý hành chính, quản lý bệnh viện và bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.
- Nguyên tắc đào tạo, bồi dưỡng:
- Đào tạo, bồi dưỡng phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, tiêu chuẩn viên chức quản lý và kế hoạch đào tạo được xây dựng hàng năm theo nhu cầu cụ thể.
- Đảm bảo tính công khai, minh bạch, hiệu quả trong công tác đào tạo, bồi dưỡng.
- Khuyến khích tinh thần học tập nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu công tác, nhiệm vụ.

- Đảm bảo thực hiện đúng các chế độ đào tạo theo quy định của pháp luật và quy chế chi tiêu nội bộ của bệnh viện.

- **Chính sách lương thưởng và phúc lợi**

Công ty đã và đang tiếp tục cải thiện chính sách lương, thưởng phù hợp với từng vị trí công việc, kỹ năng và trình độ chuyên môn của cán bộ nhân viên nhằm ghi nhận đúng mức năng lực và kết quả công việc của từng cá nhân, đồng thời tạo động lực khuyến khích cán bộ nhân viên phát huy năng lực, trách nhiệm để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc.

Có chế độ đãi ngộ hợp lý đối với những lao động có năng lực quản lý và trình độ chuyên môn cao, có nhiều ý tưởng trong nghiên cứu mang lại lợi ích cho Công ty.

Ngoài chế độ tiền lương Công ty thực hiện đầy đủ công bằng các chế độ chính sách khuyến khích người lao động như tiền lễ tết, thưởng hoàn thành kế hoạch, tạo cho người lao động yên tâm để gắn bó và làm việc hết mình cho doanh nghiệp.

7.4. Phát triển cộng đồng

- **Hoạt động tại địa phương**

- Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên là đơn vị y tế tư nhân lớn nhất trên địa bàn. Nhằm phục vụ tốt nhất nhu cầu thăm khám, điều trị của nhân dân Công ty đã không ngừng cập nhật, đổi mới trang thiết bị y tế đồng bộ, hiện đại, tiếp cận với những công nghệ mới trong điều trị. Đặc biệt, Công ty đã đồng hành cùng ngành y tế Thái Nguyên trong chiến dịch tiêm chủng vacxin Covid-19. Tính đến hết tháng 3/2022, Công ty đã thực hiện tiêm chủng cho gần 100 cơ quan, đơn vị với trên 26 nghìn mũi.
- Trong đợi dịch Covid-19 bùng phát tại huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Gang, Công ty là một trong số ít đơn vị y tế tư nhân tiên phong cung cấp phương tiện, vật tư để giúp đỡ Bắc Giang trong thời điểm khó khăn này. Các phương tiện vận chuyển người đi cách ly, phòng dịch của Công ty đã ở nơi tuyến đầu, những điểm nóng của dịch bệnh Covid-19 để giúp đỡ nhân dân chống dịch.

- **Báo chí nói về Công ty**

Chỉ tiêu

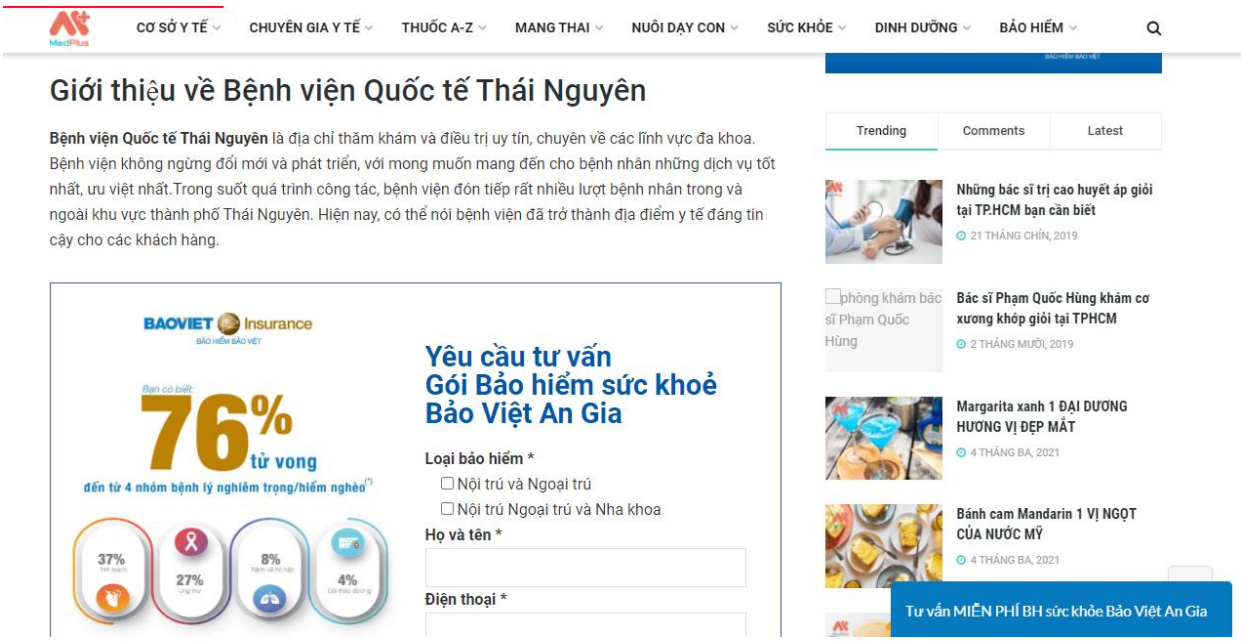

CƠ SỞ Y TẾ | CHUYÊN GIA Y TẾ | THUỐC A-Z | MANG THAI | NUÔI DẠY CON | SỨC KHỎE | DINH DƯỠNG | BẢO HIỂM

Giới thiệu về Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên

Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên là địa chỉ thăm khám và điều trị uy tín, chuyên về các lĩnh vực đa khoa. Bệnh viện không ngừng đổi mới và phát triển, với mong muốn mang đến cho bệnh nhân những dịch vụ tốt nhất, ưu việt nhất.Trong suốt quá trình công tác, bệnh viện đón tiếp rất nhiều lượt bệnh nhân trong và ngoài khu vực thành phố Thái Nguyên. Hiện nay, có thể nói bệnh viện đã trở thành địa điểm y tế đáng tin cậy cho các khách hàng.

Trending | Comments | Latest

Những bác sĩ trị cao huyết áp giỏi tại TP.HCM bạn cần biết — 21 THÁNG CHÍN, 2019

Bác sĩ Phạm Quốc Hùng khám cơ xương khớp giỏi tại TPHCM — 2 THÁNG MƯỜI, 2019

Margarita xanh 1 ĐẠI DƯƠNG HƯƠNG VỊ ĐẸP MẮT — 4 THÁNG BA, 2021

Bánh cam Mandarin 1 VỊ NGỌT CỦA NƯỚC MỸ — 4 THÁNG BA, 2021

BAOVIET Insurance

Bạn có biết: 76% tử vong đến từ 4 nhóm bệnh lý nghiêm trọng/hiểm nghèo

37% | 27% | 8% | 4%

Yêu cầu tư vấn
Gói Bảo hiểm sức khoẻ
Bảo Việt An Gia

Loại bảo hiểm *
- Nội trú và Ngoại trú
- Nội trú Ngoại trú và Nha khoa

Họ và tên *

Điện thoại *

Tư vấn MIỄN PHÍ BH sức khỏe Bảo Việt An Gia

ThanhtraVietNam
http://www.thanhtravietnam.vn
TẠP CHÍ ĐIỆN TỬ THANH TRA
CƠ QUAN CỦA THANH TRA CHÍNH PHỦ

Thời sự | Phòng - Chống COVID-19 | Tin trong ngành | Nghiên cứu - Trao đổi | Xã hội | Quốc tế | Vấn đề trong tuần | Văn hóa | Bạn đọc | Tìm hiểu pháp luật

Thông tin - Tuyên truyền

Thích 0

Video

24/04/2019 15:34

BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN ĐỊA CHỈ TIN CẬY VỀ Y ĐỨC VÀ CHẤT LƯỢNG KHÁM CHỮA BỆNH

Chính thức thành lập từ năm 2014, sau nửa thập kỷ đi vào hoạt động, Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên hiện đang là địa chỉ được đông đảo khách hàng tin chọn. Bệnh viện được đánh giá cao về cả chất lượng khám chữa bệnh và dịch vụ khách hàng với cơ sở vật chất hiện đại vượt trội, hệ thống trang thiết bị y tế tiên tiến, và đội ngũ bác sĩ giỏi chuyên môn, giàu y đức. Cho đến nay, Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên tự hào là thương hiệu có vị thế, uy tín lớn mạnh trong ngành y tế, được Sở Y tế Thái Nguyên công nhận là một trong những bệnh viện tốt nhất trên địa bàn.

Chất lượng khám chữa bệnh là tiêu chí luôn được khẳng định tại Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên với sự đánh giá cao từ Sở Y Tế và từ khách hàng. Không chỉ luôn nằm trong "Top đầu" các bệnh viện có điểm chất lượng cao nhất với 83 tiêu chí khắt khe của Sở Y tế, Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên còn được tin chọn là "cánh tay nối dài" của các bệnh viện trung ương với

Trang chủ
Giới thiệu
Liên hệ
Tìm kiếm
HIỆP HỘI BỆNH VIỆN TƯ NHÂN VIỆT NAM
NGÔI NHÀ CHUNG CỦA CỘNG ĐỒNG BỆNH VIỆN TƯ
Giới thiệu
Hội viên
Hoạt động hội
Tin tức
Liên hệ
Đăng ký
Hỏi đáp
Thư mời
Home / Hoạt động hội / CÔNG
TẾ THÁI NGUYÊN PHÁT ĐỘNG ỦNG HỘ ĐỒNG BÀO MIỀN TRUNG
CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN PHÁT ĐỘNG ỦNG HỘ ĐỒNG BÀO MIỀN TRUNG
bvtunhan
26/10/2020
Hoạt động hội, Tin tức
163 Xem
Đợt mưa lũ lịch sử vừa qua đã gây ra thiệt hại vô cùng lớn về người và tài sản cho đồng bào Miền Trung. Với tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách, ngày 22/10, Công ty Cổ phần bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên đã tổ chức phát động quyên góp ủng hộ đồng bào các tỉnh miền Trung bị lũ lụt nhằm góp phần chia sẻ, hỗ trợ đồng bào sớm khắc phục hậu quả thiên tai, ổn định cuộc sống.
Theo báo cáo nhanh của Ban chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai, mưa lũ từ ngày 6-19/10/2020. Lũ chồng lũ, gây mưa lớn kéo dài từ Quảng Bình đến Nghệ An đã đẩy bao gia đình và cảnh tang thương. Tại các tỉnh miền Trung đã có hàng chục người chết và mất tích, hàng chục nghìn ngôi nhà bị ngập, hư
com.vn/hoi-vien/
TIN ĐỌC NHIỀU NHẤT
THƯ KÊU GỌI ỦNG HỘ ĐỒNG BÀO MIỀN TRUNG BỊ BÃO LŨ
(8.2k views)
BIÊN BẢN HỌP GIẢI QUYẾT VỀ ĐỊNH MỨC VÀ THANH TOÁN CHI PHÍ KCB BẢO HIỂM Y TẾ
(4.1k views)
Công văn số 943/BHXH-CSYT về việc hướng dẫn bổ sung giải quyết vướng mắc trong thực hiện chính sách BHYT (4k views)
Bệnh viện Đa khoa Hưng Thịnh

vnexpress.net/benh-vien-duy-nhat-niem-yet-muon-xay-them-hai-co-so-moi-4392154.html

Thời sự Góc nhìn Thế giới Video Podcasts Kinh doanh Khoa học Giải trí Thể thao Pháp luật Giáo dục

Kinh doanh > Doanh nghiệp

Chủ nhật, 21/11/2021, 17:53 (GMT+7)

Bệnh viện duy nhất niêm yết muốn xây thêm hai cơ sở mới

Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên sẽ huy động 415 tỷ đồng từ cổ đông hiện hữu để xây thêm hai cơ sở y tế mới.

Cuối tháng này, Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên (TNH) sẽ tổ chức họp đại hội đồng cổ đông bất thường để thông qua phương án chào bán cổ phiếu nhằm tăng vốn điều lệ. Doanh nghiệp này dự kiến bán gần 26 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ thực hiện quyền là 2:1. Giá phát hành dự kiến là 16.000 đồng mỗi đơn vị, thấp hơn khoảng 3 lần so với thị giá thực tế.

Nếu phát hành thành công, Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên sẽ thu về 415 tỷ đồng. Ban lãnh đạo cho biết, nửa số vốn sẽ được sử dụng để mua cổ phần, góp thêm vốn tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty cổ phần Bệnh viện Mắt TNH Thái Nguyên và Công ty cổ phần Bệnh viện Phụ sản TNH Thái Nguyên. Từ đó, doanh nghiệp này sẽ đầu tư xây dựng hai dự án bệnh viện mới với tên gọi tương ứng.

Trước đó, TNH ghi nhận chi phí tài chính tăng 59% so với cùng kỳ trong quý III/2021. Ban lãnh đạo giải thích do công ty đã vay để mở rộng việc xây dựng bệnh

/tin-tuc-24h

- **Các chương trình từ thiện cua Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên**

  Tổ chức chương trình thiện nguyện Vì trẻ em nghèo miền núi năm 2021

  Thực hiện kế hoạch Công tác Xã hội năm 2021, ngày 19/12/2021, Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên đã tổ chức Chương trình Thiện nguyện nhân đạo năm 2021 cho học sinh, giáo viên trường tiểu học thị trấn Nà Phặc và nhân dân xã Trung Hòa, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn tại điểm trường tiểu học thị trấn Nà Phặc. Tại chương trình, đã diễn ra hoạt động thăm khám, tư vấn chăm sóc sức khoẻ miễn phí, tặng hàng trăm suất quà cho các đối tượng chính sách của xã Trung Hòa. Đồng thời tiến hành tặng học bổng cho học sinh nghèo vượt khó, tặng hàng ngàn đầu sách cho các em học sinh tại nhà trường và trao tặng số lượng lớn khẩu trang, nước sát khuẩn, quần áo cho học sinh, giáo viên và nhân dân tại đây.

8. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

MỤC LỤC

		Trang
1.	**Báo cáo của Hội đồng Quản trị**	**2 - 5**
2.	**Báo cáo kiểm toán độc lập**	**6 - 7**
3.	**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán**	
	- Bảng cân đối kế toán	8 - 9
	- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
	- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
	- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 41

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4601039023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 19/03/2012 với số vốn điều lệ đăng ký lần đầu là 27.748.000.000 đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 3 ngày 19/12/2016, vốn điều lệ của Công ty được tăng lên là 415.000.000.000 đồng (tương ứng với 41.500.000 cổ phần), trong năm 2021, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 4 ngày 28/3/2017.

2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm các vị như sau:

Hội đồng Quản trị:

Họ và tên:	Chức vụ:	
- Ông Hoàng Tuyên	Chủ tịch	
- Ông Lê Xuân Tân	Phó chủ tịch	
- Ông Nguyễn Văn Thủy	Thành viên	
- Ông Nguyễn Xuân Đôn	Thành viên	
- Ông Vũ Hồng Minh	Thành viên	
- Ông Trần Thiện Sách	Thành viên	*(i)*

(i) Được bầu bổ sung vào HĐQT tại kỳ đại hội cổ đông thường niên năm 2021 theo Nghị quyết số 316/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2021.

Các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm các vị như sau:

Ban Tổng giám đốc:

Họ và tên:	Chức vụ:		
- Ông Lê Xuân Tân	Tổng Giám đốc		
- Ông Nguyễn Văn Thủy	Phó Tổng giám đốc		
- Ông Trần Thiện Sách	Phó Tổng giám đốc	*(ii)*	*Từ ngày 26/01/2022*
- Ông Đào Mạnh Duy	Phó Tổng giám đốc	*(iii)*	*Từ ngày 16/11/2021*
- Bà Cao Thị Hồng	Giám đốc Nhân sự - Marketing	*(iii)*	*Từ ngày 16/11/2021*
- Bà Lê Thị Thúy An	Giám đốc Tài chính	*(iii)*	*Từ ngày 16/11/2021*
- Ông Nguyễn Hữu Điệp	Phó Tổng giám đốc	*(iv)*	*Từ ngày 07/03/2022*

(ii) *Theo quyết định số 09/2022/QĐ-HĐQT ngày 26/01/2022 về việc tăng cường nhân sự của Ban giám đốc Công ty và bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc phụ trách mảng Dự án - Dược - Vật tư - Thiết bị Y tế.*

(iii) *Theo Nghị quyết số 629/NQ-HĐQT ngày 16/11/2021 về việc bầu bổ sung các thành viên trong Ban Giám đốc Công ty*

(iv) *Theo quyết định số 13/2022/QĐ-HĐQT ngày 07/03/2022 về việc tăng cường nhân sự của Ban giám đốc Công ty và bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc phụ trách mảng Kinh tế và Đầu tư.*

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Ban Kiểm soát:

Họ và tên:	Chức vụ:
- Ông Vũ Văn Thành	Trưởng Ban Kiểm soát
- Bà Lê Thị Hảo	Thành viên
- Ông Hoàng Thắng	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật:

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo tài chính này là Ông Hoàng Tuyên - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại: số 328 Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm

2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Hội đồng Quản trị Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Hội đồng Quản trị

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 3 năm 2022

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

HOÀNG TUYÊN

PKF
Accountants &
business advisers

Số: 16 /2022/BCKT- PKF.NHN

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc**
Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam, đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên được lập ngày 28 tháng 3 năm 2022, bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 41 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

PKF Việt Nam là công ty thành viên của Tập đoàn PKF Quốc tế, mạng lưới của các công ty độc lập và không thừa nhận bất kỳ trách nhiệm hoặc nghĩa vụ nào cho các hành động hoặc việc không hành động của bất kỳ công ty hoặc các công ty thành viên khác

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam

M.S.D.N: 0313440640 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PKF VIỆT NAM - Q. THANH XUÂN - T.P HÀ NỘI

Chu Quang Tùng
Phó Tổng giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1022-2018-242-1

Hoàng Văn Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2917-2019-242-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 ngày 12 tháng 2021

Mẫu số B 01 – DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**193.674.065.461**	**179.662.516.015**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5.1**	**133.571.316.553**	**23.433.997.599**
Tiền	111		133.571.316.553	23.433.997.599
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**47.911.598.876**	**144.313.822.432**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	18.475.858.141	26.497.220.293
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	25.233.769.217	113.659.095.273
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	4.201.971.518	4.157.506.866
Hàng tồn kho	**140**	**5.6**	**11.865.165.891**	**11.295.172.780**
Hàng tồn kho	141		11.865.165.891	11.295.172.780
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**325.984.141**	**619.523.204**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	325.984.141	619.523.204
TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**1.092.245.061.963**	**977.432.929.206**
Tài sản cố định	**220**		**955.568.404.529**	**888.463.865.680**
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	941.106.401.941	875.834.370.597
- Nguyên giá	222		1.009.044.436.811	913.092.760.902
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(67.938.034.870)	(37.258.390.305)
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	14.462.002.588	12.629.495.083
- Nguyên giá	228		17.386.480.000	14.340.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.924.477.412)	(1.710.504.917)
Bất động sản đầu tư	**230**	**5.10**	**36.764.162.388**	**12.122.598.786**
- Nguyên giá	231		37.564.119.824	12.406.812.824
- Giá trị hao mòn luỹ kế	232		(799.957.436)	(284.214.038)
Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**-**	**3.850.000.000**
Chi phí XDCB dở dang	242	5.7	-	3.850.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**74.700.000.000**	**38.500.000.000**
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.2	74.700.000.000	38.500.000.000
Tài sản dài hạn khác	**260**		**25.212.495.046**	**34.496.464.740**
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	25.212.495.046	34.496.464.740
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**1.285.919.127.424**	**1.157.095.445.221**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 01 – DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**505.692.547.115**	**519.593.233.914**
Nợ ngắn hạn	**310**		**259.155.426.766**	**136.502.988.582**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	21.992.139.422	26.635.074.144
Người mua trả tiền trước	312	5.17	1.354.380.241	932.720.171
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	1.636.322.856	563.517.934
Phải trả người lao động	314		4.558.488.274	6.500.225.638
Chi phí phải trả	315	5.16	937.847.672	3.739.452.839
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	-	91.002.927
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	228.676.248.301	98.040.994.929
Nợ dài hạn	**330**		**246.537.120.349**	**383.090.245.332**
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.14	7.518.181.819	7.758.181.819
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.12	239.018.938.530	375.332.063.513
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**780.226.580.309**	**637.502.211.307**
Vốn chủ sở hữu	**410**	5.19	**780.226.580.309**	**637.502.211.307**
Vốn góp của chủ sở hữu	411		415.000.000.000	415.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*415.000.000.000*	*415.000.000.000*
- Cổ phiếu ưu đãi	*411b*		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		365.226.580.309	222.502.211.307
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*222.502.211.307*	*113.533.036.406*
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*142.724.369.002*	*108.969.174.901*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**1.285.919.127.424**	**1.157.095.445.221**

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 3 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	CHỦ TỊCH HĐQT
NGUYỄN THU THỦY	LÊ THỊ THÚY AN	HOÀNG TUYÊN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 02 – DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**6.1**	**412.425.997.419**	**335.604.966.911**
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**412.425.997.419**	**335.604.966.911**
Giá vốn hàng bán	11	6.2	201.756.659.500	179.917.170.816
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**210.669.337.919**	**155.687.796.095**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	11.760.972	7.948.015
Chi phí tài chính	22	6.4	42.003.818.929	28.382.574.462
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*41.096.138.929*	*28.198.934.462*
Chi phí bán hàng	25	6.5	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	21.997.444.849	15.198.967.720
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**146.679.835.113**	**112.114.201.928**
Thu nhập khác	31	6.6	200.886.377	10.051.235
Chi phí khác	32	6.7	40.000.000	145.134.170
Lợi nhuận khác	40		**160.886.377**	**(135.082.935)**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**146.840.721.490**	**111.979.118.993**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	4.116.352.488	3.009.944.092
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**142.724.369.002**	**108.969.174.901**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	6.10	3.439	2.626
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	6.10	2.751	2.626

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 3 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	CHỦ TỊCH HĐQT
NGUYỄN THU THỦY	LÊ THỊ THÚY AN	HOÀNG TUYÊN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu số B 03 – DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Năm 2021	Năm 2020
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SX KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	**01**	**146.840.721.490**	**111.979.118.993**
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	32.409.360.458	22.114.860.410
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(11.760.972)	(7.948.015)
Chi phí lãi vay	06	42.003.818.929	28.382.574.462
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	**08**	**221.242.139.905**	**162.468.605.850**
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	96.402.223.556	191.016.565.798
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(569.993.111)	(6.657.168.287)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	25.713.434.309	(1.159.402.520)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	9.577.508.757	(20.022.888.313)
Tiền lãi vay đã trả	14	(44.805.424.096)	(26.419.072.113)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.009.944.092)	(6.717.868.620)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**304.549.945.228**	**292.508.771.795**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(152.546.515.635)	(396.338.109.892)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	4.150.000.000
Tiền chi đầu tư vốn vào đơn vị khác	25	(36.200.000.000)	(38.500.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.760.972	7.948.015
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(188.734.754.663)**	**(430.680.161.877)**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	214.987.877.835	303.009.926.632
Tiền trả nợ gốc vay	34	(220.665.749.446)	(142.370.858.183)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**(5.677.871.611)**	**160.639.068.449**
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	**50**	**110.137.318.954**	**22.467.678.367**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**23.433.997.599**	**966.319.232**
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**133.571.316.553**	**23.433.997.599**

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 3 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	CHỦ TỊCH HĐQT
NGUYỄN THU THỦY	LÊ THỊ THÚY AN	HOÀNG TUYÊN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4601039023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 19/03/2012 với số vốn điều lệ đăng ký lần đầu là 27.748.000.000 đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 3 ngày 19/12/2016, vốn điều lệ của Công ty được tăng lên là 415.000.000.000 đồng (tương ứng với 41.500.000 cổ phần), trong năm 2021, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 4 ngày 28/3/2017.

Hiện nay, Công ty quản lý và cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh tại 02 Bệnh viện là: Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên, địa chỉ tại số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên (được Bộ trưởng Bộ Y tế cấp Giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh số 134/BYT-GPHĐ ngày 27/01/2014); và Bệnh viện Đa Khoa Yên Bình Thái Nguyên, địa chỉ tại xóm Chùa, xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (được Bộ trưởng Bộ Y tế cấp Giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh số 261/BYT-GPHĐ ngày 04/12/2019).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động chính của Công ty là: khám, chữa bệnh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở chính tại: số 328 Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đơn vị trực thuộc:

Công ty có 02 đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là:

- Chi nhánh Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên có địa chỉ tại số nhà 328, đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động Chi nhánh mã số 4601039023 – 001
- Chi nhánh Bệnh viện Đa Khoa Yên Bình có địa chỉ tại xóm Chùa, xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động Chi nhánh mã số 4601039023 – 002.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 627 người (tại ngày 31/12/2020 là 719 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số

53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020 của Công ty.

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Hội đồng Quản trị Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Thuốc Nhập trước xuất trước
- Vật tư y tế Nhập trước xuất trước
- Hóa chất y tế Nhập trước xuất trước

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn luỹ kế.

4.5.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty tạm tăng nguyên giá tài sản cố định là Tòa nhà Bệnh viện Đa khoa Yên Bình (địa chỉ tại xóm Chùa, xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên), Tòa nhà Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên (địa chỉ tại số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên) và các công trình xây dựng cơ bản khác khi đưa vào sử dụng, do chưa thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng nên nguyên giá tài sản có thể thay đổi sau khi có quyết toán chính thức.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính

sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc: 06 - 48 năm
- Máy móc thiết bị: 06 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn: 10 - 15 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý: 10 năm

4.5.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

- Phần mềm máy tính: 08 - 20 năm

4.5.3 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 42 - 46 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong Bảng cân đối kế toán sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

4.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

4.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, dụng cụ y tế, vật tư y tế,... Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.8. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.9. Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang

vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong năm tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong năm tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng năm không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong năm tài chính đó.

4.10. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại Cuộc họp cổ đông thường niên. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

4.11. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

(i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được khách hàng chấp nhận.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.

(iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.12. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định, và các chi phí tài chính khác phát sinh trong năm tài chính.

4.13. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Dịch vụ y tế do Công ty cung cấp không chịu thuế giá trị gia tăng. Các hoạt động khác ngoài dịch vụ y tế chịu thuế suất thuế GTGT là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Thu nhập từ dịch vụ khám, chữa bệnh phát sinh tại Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên (địa chỉ, số 328 Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên) được hưởng ưu đãi với mức thuế suất là 10% trong suốt thời gian hoạt động, được miễn 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 05 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Các khoản thu nhập ngoài hoạt động khám, chữa bệnh áp dụng mức thuế suất là 20%. Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021 thu nhập từ hoạt động khám, chữa bệnh phát sinh tại Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên đang được giảm 50% số thuế phải nộp.

Thu nhập từ dịch vụ khám, chữa bệnh phát sinh tại Bệnh viện Đa Khoa Yên Bình (địa chỉ, xóm Chùa, xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên) được hưởng ưu đãi với mức thuế suất là 10% trong suốt thời gian hoạt động, được miễn 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 05 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Các khoản thu nhập ngoài hoạt động khám, chữa bệnh áp dụng mức thuế suất là 20%. Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021, thu nhập từ hoạt động khám, chữa bệnh phát sinh tại Bệnh viện Đa Khoa Yên Bình Thái Nguyên đang được miễn thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành: Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập, chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.14. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4.15. Bù trừ các công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.16. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

		31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Tiền mặt tại quỹ	(i)	3.604.062.125	861.206.119
Tiền gửi ngân hàng	(ii)	129.967.254.428	22.572.791.480
Cộng		**133.571.316.553**	**23.433.997.599**

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 31/12/2021 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Ngoại tệ		-
Đồng Việt Nam		3.604.062.125
Cộng		**3.604.062.125**

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2021 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Đồng Việt Nam		***129.967.254.428***
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Thái Nguyên		22.185.558.082
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên		34.277.112.173
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên		41.083.447.370
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên		20.630.190.121
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên - PGD Gang Thép		9.999.983.192
Các ngân hàng khác		1.790.963.490
Ngoại tệ		-
Cộng		**129.967.254.428**

5.2 Đầu tư tài chính

		31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a)	**Ngắn hạn**	-	-	-	-
b)	**Dài hạn**	**74.700.000.000**	-	**38.500.000.000**	-
	Đầu tư vào công ty liên kết				
(i)	Công ty CP Bệnh viện Sản Nhi Quốc tế TNH	43.200.000.000	-	19.500.000.000	-
(ii)	Công ty CP Bệnh viện Mắt Quốc tế TNH	31.500.000.000	-	19.000.000.000	-
	Cộng	**74.700.000.000**	-	**38.500.000.000**	-

Chi tiết các khoản đầu tư vào Công ty liên kết:

(i) Công ty CP Bệnh viện Sản Nhi Quốc tế TNH được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp là 4601569359, đăng ký lần đầu ngày 30/12/2020. Vốn điều lệ của công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần là 90.000.000.000 đồng (tương ứng với 9.000.000 cổ phần), trong đó Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên nắm giữ 48% vốn điều lệ. Đến ngày kết thúc năm tài chính 2021, Công ty CP Bệnh viện Sản Nhi Quốc tế TNH vẫn đang trong quá trình xin cấp phép, chưa đi vào hoạt động.

(ii) Công ty CP Bệnh viện Mắt Quốc tế TNH được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp là 4601569341, đăng ký lần đầu ngày 30/12/2020. Vốn điều lệ của công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần là 70.000.000.000 đồng (tương ứng với 7.000.000 cổ phần), trong đó Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên nắm giữ 45% vốn điều lệ. Đến ngày kết thúc năm tài chính 2021, Công ty CP Bệnh viện Mắt Quốc tế TNH vẫn đang trong quá trình xin cấp phép, chưa đi vào hoạt động.

5.3 Phải thu khách hàng

		31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
a)	**Ngắn hạn**	**18.475.858.141**	**26.497.220.293**
	Bảo hiểm xã hội Tỉnh Thái Nguyên	16.131.662.532	25.944.667.684
	Tổng Công Ty Bảo Việt Nhân Thọ	63.819.000	37.150.000
	Công ty CP Dịch vụ thương mại Tam Phát	450.000.000	-
	Công ty TNHH WIHA Việt Nam	729.291.620	399.186.600
	Công ty TNHH Mani Hà Nội	268.728.000	-
	Các khoản phải thu khách hàng khác	832.356.989	116.216.009
b)	**Dài hạn**	**-**	**-**
	Cộng	**18.475.858.141**	**26.497.220.293**

5.4 Trả trước cho người bán

		31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a)	**Ngắn hạn**	**25.233.769.217**	**-**	**113.659.095.273**	**-**
	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển ATC Việt Nam	-	-	12.856.646.723	-
	Công ty TNHH Xuân Thủy	21.577.211.104	-	40.593.696.803	-
	Công ty TNHH thương mại - kỹ thuật Vimetech	3.208.500.000	-	3.208.500.000	-
	Các khách hàng khác	448.058.113	-	57.000.251.747	-
b)	**Dài hạn**	**-**	**-**	**-**	**-**
	Cộng	**25.233.769.217**	**-**	**113.659.095.273**	**-**

Trong đó, trả trước cho người bán là các bên liên quan:

Bên liên quan	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Công ty TNHH Xuân Thủy	21.577.211.104	40.593.696.803
Cộng	**21.577.211.104**	**40.593.696.803**

5.5 Phải thu khác

		31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a)	**Ngắn hạn**	**4.201.971.518**	**-**	**4.157.506.866**	**-**
	Tạm ứng (*)	4.014.876.551	-	4.010.000.000	-
	Phải thu khác	187.094.967	-	147.506.866	-
b)	**Dài hạn**	**-**	**-**	**-**	**-**
	Cộng	**4.201.971.518**	**-**	**4.157.506.866**	**-**

(*) Trong đó tạm ứng cho Ban quản lý dự án Bệnh viện đa khoa Yên Bình – giai đoạn 2 là 4.000.000.000 đồng (Ban quản lý dự án Bệnh viện đa khoa Yên Bình – giai đoạn 2 được thành lập theo Quyết định số 2503/QĐ-HĐQT ngày 26/03/2020).

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thuốc, vật tư y tế, hóa chất y tế	11.865.165.891	-	11.295.172.780	-
Cộng	**11.865.165.891**	**-**	**11.295.172.780**	**-**

5.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Mua sắm:	-	-
Xây dựng cơ bản:	-	3.850.000.000
Dự án đầu tư, xây dựng bệnh viện Quốc tế giai đoạn 2	-	*3.850.000.000*
Cộng	**-**	**3.850.000.000**

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Máy móc, trang thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (VND)	Thiết bị văn phòng (VND)	Tổng cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2021	**782.899.165.163**	**120.524.174.455**	**9.492.706.684**	**176.714.600**	**913.092.760.902**
- Mua trong năm	43.690.615.000	44.208.343.750	488.070.000	154.000.000	88.541.028.750
- Đầu tư XDCB hoàn thành	7.410.647.159	-	-	-	7.410.647.159
Số dư tại ngày 31/12/2021	**834.000.427.322**	**164.732.518.205**	**9.980.776.684**	**330.714.600**	**1.009.044.436.811**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2021	**16.467.450.701**	**19.103.641.459**	**1.641.474.750**	**45.823.395**	**37.258.390.305**
- Khấu hao trong năm	19.916.390.124	9.885.890.948	849.242.033	28.121.460	30.679.644.565
Số dư tại ngày 31/12/2021	**36.383.840.825**	**28.989.532.407**	**2.490.716.783**	**73.944.855**	**67.938.034.870**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2021	**766.431.714.462**	**101.420.532.996**	**7.851.231.934**	**130.891.205**	**875.834.370.597**
Tại ngày 31/12/2021	**797.616.586.497**	**135.742.985.798**	**7.490.059.901**	**256.769.745**	**941.106.401.941**

Trong đó:

Nguyên giá tài sản thế chấp các khoản vay:	931.079.765.898
Giá trị còn lại tài sản thế chấp các khoản vay:	858.084.650.711

5.9 Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính (VND)	Tổng cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2021	**14.340.000.000**	**14.340.000.000**
- Mua trong năm	3.046.480.000	3.046.480.000
Số dư tại ngày 31/12/2021	**17.386.480.000**	**17.386.480.000**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2021	**1.710.504.917**	**1.710.504.917**
- Khấu hao trong năm	1.213.972.495	1.213.972.495
Số dư tại ngày 31/12/2021	**2.924.477.412**	**2.924.477.412**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2021	**12.629.495.083**	**12.629.495.083**
Tại ngày 31/12/2021	**14.462.002.588**	**14.462.002.588**

5.10 Bất động sản đầu tư

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Tổng cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2021	**12.406.812.824**	**12.406.812.824**
- Đầu tư XDCB hoàn thành	25.157.307.000	25.157.307.000
Số dư tại ngày 31/12/2021	**37.564.119.824**	**37.564.119.824**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2021	**284.214.038**	**284.214.038**
- Khấu hao trong năm	515.743.398	515.743.398
Số dư tại ngày 31/12/2021	**799.957.436**	**799.957.436**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2021	**12.122.598.786**	**12.122.598.786**
Tại ngày 31/12/2021	**36.764.162.388**	**36.764.162.388**

5.11 Chi phí trả trước

		31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
a)	**Ngắn hạn**	**325.984.141**	**619.523.204**
	Công cụ, dụng cụ	325.984.141	619.523.204
b)	**Dài hạn**	**25.212.495.046**	**34.496.464.740**
	Công cụ, dụng cụ	25.212.495.046	34.480.328.531
	Chi phí bảo hiểm, và chi phí phân bổ khác	-	16.136.209
	Cộng	**25.538.479.187**	**35.115.987.944**

5.12 Vay và nợ thuê tài chính

		01/01/2021 (VND)		Tăng trong năm (VND)	Giảm trong năm (VND)	31/12/2021 (VND)	
		Giá trị	Khả năng trả nợ			Giá trị	Khả năng trả nợ
a)	**Gốc vay ngắn hạn**	**43.068.715.849**	**43.068.715.849**	**192.910.474.163**	**165.791.275.791**	**70.187.914.221**	**70.187.914.221**
(i)	NH Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn – CN Thái Nguyên	29.596.206.712	29.596.206.712	165.855.278.285	135.640.955.874	59.810.529.123	59.810.529.123
(ii)	Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	7.616.935.438	7.616.935.438	16.135.392.451	18.823.681.548	4.928.646.341	4.928.646.341
	Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên	5.855.573.699	5.855.573.699	5.471.064.670	11.326.638.369	-	-
(iii)	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên	-	-	5.448.738.757	-	5.448.738.757	5.448.738.757
b)	**Gốc vay dài hạn**	**339.202.542.593**	**339.202.542.593**	**21.169.723.672**	**54.874.473.655**	**305.497.792.610**	**305.497.792.610**
(iv)	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên	197.410.670.903	197.410.670.903	2.589.329.097	16.000.000.000	184.000.000.000	184.000.000.000
(v)	Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên	22.455.935.664	22.455.935.664	-	5.616.000.000	16.839.935.664	16.839.935.664
(vi)	Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN tỉnh Thái Nguyên	6.901.000.000	6.901.000.000	-	6.763.000.000	138.000.000	138.000.000
(vii)	Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	112.434.936.026	112.434.936.026	-	26.455.279.080	85.979.656.946	85.979.656.946
(viii)	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên	-	-	18.580.394.575	40.194.575	18.540.200.000	18.540.200.000
	Cộng	**382.271.258.442**	**382.271.258.442**	**214.080.197.835**	**220.665.749.446**	**375.685.706.831**	**375.685.706.831**

5.12 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

c) Phân loại vay dài hạn đến hạn trả

	01/01/2021 (VND)		31/12/2021 (VND)	
	Giá trị	**Khả năng trả nợ**	**Giá trị**	**Khả năng trả nợ**
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN tỉnh Thái Nguyên	6.901.000.000	6.901.000.000	138.000.000	138.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên	16.000.000.000	16.000.000.000	32.000.000.000	32.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên	5.616.000.000	5.616.000.000	5.616.000.000	5.616.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	26.455.279.080	26.455.279.080	26.455.279.080	26.455.279.080
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên	-	-	2.269.575.000	2.269.575.000
Cộng	**54.972.279.080**	**54.972.279.080**	**66.478.854.080**	**66.478.854.080**
d) Số dư tại thời điểm lập báo cáo tài chính				
d1 Vay ngắn hạn (d1 = a+c)	98.040.994.929	98.040.994.929	136.666.768.301	136.666.768.301
d2 Vay dài hạn (d2 = b-c)	284.230.263.513	284.230.263.513	239.018.938.530	239.018.938.530
Cộng	**382.271.258.442**	**382.271.258.442**	**375.685.706.831**	**375.685.706.831**

(i) Hợp đồng tín dụng số 8500-LAV202001414 ngày 21/12/2020 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh tỉnh Thái Nguyên. Hạn mức tín dụng 60.000.000.000 VND. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động Y tế khám chữa bệnh. Thời hạn hiệu lực mức cấp tín dụng đến hết ngày 15/12/2021, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay trong hạn được quy định cụ thể trong từng Giấy nhận nợ tại thời điểm rút vốn.

(ii) Vay ngắn hạn theo hợp đồng hạn mức số: VN 119000655-008 ngày 19/03/2021 với Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên. Hạn mức tín dụng 10.000.000.000 VND. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 20/3/2021 đến ngày 20/3/2022, thời hạn khế ước nhận nợ: 06 tháng. Lãi suất cho vay: Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 03 tháng (dành cho doanh nghiệp) của các Ngân hàng quốc doanh cộng 2,65% một năm.

5.12 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

(iii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng tín dụng số 01/2021/5745705/HĐTD ngày 20/12/2021. Hạn mức vay: 60.000.000.000 VND. Mục đích khoản vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30/06/2022. Thời hạn cho vay, lãi suất cho vay trong hạn được quy định cụ thể theo Hợp đồng tín dụng cụ thể.

(iv) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/5745705/HĐTD ngày 26/8/2019. Hạn mức vay: 200.000.000.000 VND. Mục đích khoản vay: Đầu tư xây dựng Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên giai đoạn II. Thời hạn vay: 96 tháng. Lãi suất cho vay trong 12 tháng đầu tiên là 8,2%/năm, 12 tháng tiếp theo là: 8,3%/năm; lãi suất vay thời gian còn lại được thả nổi theo công thức quy định trong hợp đồng vay. Tài sản bảo đảm: Toàn bộ tài sản hình thành từ Dự án Đầu tư xây dựng Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên giai đoạn II và các tài sản khác của Công ty phục vụ vận hành dự án.

(v) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng cho vay số: 5956.19.093.1699479.TD ngày 05/3/2019. Hạn mức 35.000.000.000 VND. Mục đích vay: Thanh toán mua máy móc thiết bị phục vụ hoạt động khám chữa bệnh của Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên. Thời hạn vay tối đa 72 tháng. Lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Tài sản bảo đảm được quy định tại Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị hình thành trong tương lai số: 6113.19.093.1699479.BĐ.

(vi) Hợp đồng cấp tín dụng số 8500-LAV-201700745 ngày 14/08/2017 với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN tỉnh Thái Nguyên. Hạn mức tín dụng 700.000.000 VND. Mục đích vay để đầu tư mua Hệ thống máy siêu âm 4 chiều. Thời hạn cho vay: 60 tháng. Lãi suất thả nổi, xác định bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng tại Agribank Thái Nguyên công bố tại thời điểm xác định lãi suất cộng thêm biên độ 3,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp

(vii) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng số: VN119000653 ngày 20/3/2019. Hạn mức cho vay 130.000.000.000 VND. Mục đích vay: Đầu tư tài sản cố định Dự án Bệnh viện Đa khoa Yên Bình – Thái Nguyên. Kỳ hạn vay: 72 tháng. Lãi suất vay: Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng cộng (+) 3,5% một năm. Biện pháp bảo đảm:

- Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai trên Thửa đất số 563 tại Xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CQ 026290 do UBND tỉnh Thái Nguyên cấp.
- Máy móc, thiết bị hình thành trong tương lai thuộc quyền sở hữu của Bên vay/ bên thứ ba nhằm mục đích triển khai và vận hành dự án.
- Máy móc, thiết bị, tài sản đã hình thành thuộc quyền sở hữu của Bên vay/ bên thứ ba nhằm mục đích triển khai và vận hành dự án.
- Các Quyền tài sản phát sinh từ Dự án nhằm mục đích triển khai, thực hiện và vận hành Dự án.
- Các tài sản khác được hình thành từ vốn vay của Bên Cho vay, bao gồm các tài sản, quyền tài sản đã, đang và sẽ hình thành từ vốn vay của Bên Cho vay; các tài sản, quyền tài sản thay thế, bổ sung, luân chuyển, tài sản hình thành từ vốn vay và nguồn thu hình thành từ phương án vay.

5.12 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

(viii) Hợp đồng cho vay cấp tín dụng số 171/21/HĐTD/TN ngày 10/06/2021 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Thái Nguyên: Hạn mức tín dụng 17.040.000.000 VND, theo phương thức cho vay từng lần. Mục đích sử dụng khoản cấp tín dụng, lãi suất và thời hạn cho vay được quy định cụ thể trong các hợp đồng cho vay từng lần. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp: Hệ thống chụp hưởng từ MAGNETOM Sempra 1.5 Tesla và phần mềm chụp kết nối phần mềm bệnh viện, một máy gây mê kèm thở có tính năng hy động phế nang và theo dõi khí mê Carestation 650 theo hợp đồng thế chấp số 188/21/HĐTC/TN, Hệ thống phẫu thuật nội soi full HD 1 chip và bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi ổ bụng hình thành từ vốn vay và vốn tự có của Công ty.

Trái phiếu phát hành	**31/12/2021 (VND)**			**01/01/2021 (VND)**		
	Giá trị	**Lãi suất năm**	**Kỳ hạn**	**Giá trị**	**Lãi suất năm**	**Kỳ hạn**
- Mệnh giá	92.009.480.000	12%	24 tháng	91.101.800.000	12%	24 tháng
- Chiết khấu	-	-	-	-	-	-
- Phụ trội	-	-	-	-	-	-
Cộng	**92.009.480.000**			**91.101.800.000**		

Công ty thực hiện phát hành Trái phiếu riêng lẻ năm 2020, việc phát hành này được Hội đồng Quản trị Công ty thông qua tại Nghị Quyết số 564/2020/NQ-HĐQT ngày 17/08/2020.

Thông tin trái phiếu:

Trái phiếu phát hành bằng Đồng Việt Nam có tổng mệnh giá phát hành tối đa 150 (một trăm năm mươi) tỷ đồng, đáo hạn năm 2022 ("Trái phiếu") xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp, không được đảm bảo bởi Tổ chức phát hành và không phải là nợ thứ cấp của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên (Tổ chức phát hành). Trái phiếu không chuyển đổi được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ, mỗi trái phiếu có mệnh giá 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng).

Lãi Trái phiếu: Lãi suất danh nghĩa: 12%/năm; Trái phiếu được hưởng lãi kể từ và bao gồm Ngày phát hành cho đến nhưng không bao gồm ngày tròn 24 tháng kể từ Ngày phát hành ("Ngày đáo hạn"), trừ trường hợp Trái phiếu được mua lại trước hạn. Tiền lãi Trái phiếu được trả sau 03 (ba) tháng một lần, vào các ngày tròn 03 (ba) tháng kể từ ngày phát hành.

5.13 Phải trả người bán

		31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a)	**Ngắn hạn**	**21.992.139.422**	**21.992.139.422**	**26.635.074.144**	**26.635.074.144**
	Công ty Cổ phần Dược Phẩm và Thiết bị y tế Á Châu	3.609.478.820	3.609.478.820	2.574.312.122	2.574.312.122
	Hợp tác xã Thủy Tinh Dân Chủ	-	-	3.850.000.000	3.850.000.000
	Hộ kinh doanh TBYT Việt Hà - Phan Thị Chung	3.150.000.000	3.150.000.000	3.150.000.000	3.150.000.000
	Hộ kinh doanh Phạm Thị Hiền	357.562.100	357.562.100	933.864.800	933.864.800
	Công ty cổ phần Dược phẩm Hà Tây	-	-	2.635.250.000	2.635.250.000
	Công ty CP TM và dịch vụ thiết bị y tế HTM	-	-	810.000.000	810.000.000
	Công ty Cổ phần y tế Nhất Minh	1.084.900.000	1.084.900.000	-	-
	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển ACT Việt Nam	6.275.634.830	6.275.634.830	-	-
	Các khách hàng khác	7.514.563.672	7.514.563.672	12.681.647.222	12.681.647.222
b)	**Dài hạn**	-	-	-	-
	Cộng	**21.992.139.422**	**21.992.139.422**	**26.635.074.144**	**26.635.074.144**

5.14 Doanh thu chưa thực hiện

		31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
a)	**Ngắn hạn**	-	-
b)	**Dài hạn**	**7.518.181.819**	**7.758.181.819**
	Cho thuê mặt bằng	7.518.181.819	7.758.181.819
	Cộng	**7.518.181.819**	**7.758.181.819**

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

		01/01/2021 (VND)	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2021 (VND)
a)	**Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**	**563.517.934**	**5.433.774.510**	**4.360.969.588**	**1.636.322.856**
	Thuế giá trị gia tăng	11.650.453	69.172.268	48.403.798	32.418.923
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	306.160.957	4.116.352.488	3.009.944.092	1.412.569.353
	Thuế thu nhập cá nhân	245.706.524	1.243.249.754	1.297.621.698	191.334.580
	Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
b)	**Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**	**-**	**-**	**-**	**-**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế (kể từ khi đi vào hoạt động đến thời điểm kết thúc năm tài chính 2021 này, Công ty chưa được Cơ quan thuế thực hiện quyết toán thuế). Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.16 Chi phí phải trả

		31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
a)	**Ngắn hạn**	**937.847.672**	**3.739.452.839**
	Chi phí lãi vay	937.847.672	3.739.452.839
b)	**Dài hạn**	-	-
	Cộng	**937.847.672**	**3.739.452.839**

5.17 Người mua trả tiền trước

		31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a)	**Ngắn hạn**	**1.354.380.241**	**1.354.380.241**	**932.720.171**	**932.720.171**
	Khách hàng khác	1.354.380.241	1.354.380.241	932.720.171	932.720.171
b)	**Dài hạn**	-	-	-	-
	Cộng	**1.354.380.241**	**1.354.380.241**	**932.720.171**	**932.720.171**

5.18 Phải trả khác

		31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
a)	**Ngắn hạn**	-	**91.002.927**
	Kinh phí công đoàn	-	91.002.927
b)	**Dài hạn**	-	-
	Cộng	-	**91.002.927**

5.19 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	LNST chưa phân phối (VND)	Tổng cộng (VND)
Số dư tại ngày 01/01/2020	**415.000.000.000**	**113.533.036.406**	**528.533.036.406**
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	108.969.174.901	108.969.174.901
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2021	**415.000.000.000**	**222.502.211.307**	**637.502.211.307**
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	142.724.369.002	142.724.369.002
Phân phối lợi nhuận	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2021	**415.000.000.000**	**365.226.580.309**	**780.226.580.309**

Chi tiết vốn góp của các cổ đông

	31/12/2021 (Tỷ lệ)	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Ông Hoàng Tuyên	9,64%	40.000.000.000	40.000.000.000
Ông Nguyễn Văn Thủy	5,65%	23.464.000.000	23.464.000.000
Ông Nguyễn Xuân Đôn	3,97%	16.473.000.000	16.473.000.000
Ông Lê Xuân Tân	3,61%	15.000.000.000	15.882.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thu	3,73%	15.460.000.000	15.460.000.000
Ông Võ Duy Anh	4,93%	20.459.000.000	-
Bà Vũ Thị Hân	0,06%	260.800.000	13.725.800.000
Ông Lâm Tuấn Kiệt	-	-	13.567.000.000
Ông Nguyễn Xuân Hiệp	-	-	18.000.000.000
Ông Hoàng Khắc Tiệp	-	-	13.500.000.000
Bà Phạm Thị Hiền	-	-	13.000.000.000
Bà Phùng Thị Thông	-	-	12.450.000.000
Các Cổ đông khác	68,41%	283.883.200.000	219.478.200.000
Cộng	**100%**	**415.000.000.000**	**415.000.000.000**

Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng CP đăng ký phát hành	**41.500.000**	**41.500.000**
Số lượng CP đã bán ra công chúng	**41.500.000**	**41.500.000**
Cổ phiếu phổ thông	41.500.000	41.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**41.500.000**	**41.500.000**
Cổ phiếu phổ thông	41.500.000	41.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Doanh thu dịch vụ khám chữa bệnh	411.519.978.597	334.899.902.569
Doanh thu khác	906.018.822	705.064.342
Cộng	**412.425.997.419**	**335.604.966.911**

6.2 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	201.756.659.500	179.917.170.816
Cộng	**201.756.659.500**	**179.917.170.816**

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Lãi tiền gửi	11.760.972	7.948.015
Cộng	**11.760.972**	**7.948.015**

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Lãi tiền vay	41.096.138.929	28.198.934.462
Chi phí phát hành trái phiếu	907.680.000	183.640.000
Cộng	**42.003.818.929**	**28.382.574.462**

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

		Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
a)	**Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm**	**21.997.444.849**	**15.198.967.720**
	Chi phí nhân viên	15.981.113.271	10.982.339.858
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.495.086.530	542.781.387
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.399.555.789	2.181.859.701
	Chi phí khác bằng tiền	2.121.689.259	1.491.986.774
b)	**Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm**	-	-
c)	**Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp**	-	-
	Cộng	**21.997.444.849**	**15.198.967.720**

6.6 Thu nhập khác

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Thu nhập khác	200.886.377	10.051.235
Cộng	**200.886.377**	**10.051.235**

6.7 Chi phí khác

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Các khoản nộp phạt	40.000.000	145.134.170
Cộng	**40.000.000**	**145.134.170**

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	146.840.721.490	111.979.118.993
Các khoản điều chỉnh tăng/ giảm	184.000.000	145.134.170
- *Chi phí không được trừ*	*184.000.000*	*145.134.170*
Tổng thu nhập chịu thuế	147.024.721.490	112.124.253.163
Thu nhập miễn thuế	68.018.387.329	54.040.564.349
Thu nhập tính thuế	79.006.334.161	58.083.688.814
Trong đó:		
- *Thu nhập tính thuế theo thuế suất 10% (dịch vụ y tế)*	*77.899.428.962*	*57.378.624.472*
- *Thu nhập tính thuế theo thuế suất 20% (dịch vụ khác)*	*1.106.905.199*	*705.064.342*
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.116.352.488	3.009.944.092
Trong đó:		
- *Dịch vụ y tế (sau khi giảm 50%)*	*3.894.971.448*	*2.868.931.224*
- *Dịch vụ khác*	*221.381.040*	*141.012.868*
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**4.116.352.488**	**3.009.944.092**

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
a) Chi phí sản xuất, KD theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	85.253.294.336	57.596.272.207
Chi phí nhân công	82.813.806.821	94.821.877.486
Chi phí khấu hao TSCĐ	32.409.360.458	22.114.860.410
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.550.443.590	18.309.522.775
Chi phí khác bằng tiền	2.727.199.142	2.273.605.657
b) Các khoản ghi giảm chi phí	-	-
Cộng	**223.754.104.347**	**195.116.138.535**

6.10 Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	**142.724.369.002**	**108.969.174.901**
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	142.724.369.002	108.969.174.901
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	41.500.000	41.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**3.439**	**2.626**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	**142.724.369.002**	**108.969.174.901**
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	142.724.369.002	108.969.174.901
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	41.500.000	41.500.000
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành tăng thêm (*)	10.374.998	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**2.751**	**2.626**

(*) Cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm số lượng 10.374.998 cổ phần (xem chi tiết tại Thuyết minh số 7.4 Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính).

7 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Báo cáo bộ phận

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ là dịch vụ khám, chữa bệnh, do đó không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc vào 31 tháng 12 năm 2021, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ diễn ra tại tỉnh Thái Nguyên nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

7.2 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Hội đồng quản trị thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty đầu tư cổ phiếu vào một số các Bệnh viện có cùng các rùi ro. Đây là cổ phiếu đầu tư dài hạn và chưa được niêm yết nên Công ty đánh giá mức độ nhạy cảm đối với biến động về giá cổ phiếu này là thấp.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Hội đồng quản trị cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm (VND)	Trên 1 năm (VND)	Tổng cộng (VND)
Ngày 31/12/2021			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	133.571.316.553	-	133.571.316.553
Phải thu khách hàng	18.475.858.141	-	18.475.858.141
Đầu tư	-	74.700.000.000	74.700.000.000
Phải thu khác	29.435.740.735	-	29.435.740.735
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	**181.482.915.429**	**74.700.000.000**	**256.182.915.429**
Ngày 31/12/2021			
Các khoản vay và nợ	228.676.248.301	239.018.938.530	467.695.186.831
Phải trả người bán	21.992.139.422	-	21.992.139.422
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	8.487.039.043	7.518.181.819	16.005.220.862
Tổng cộng	**259.155.426.766**	**246.537.120.349**	**505.692.547.115**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**(77.672.511.337)**	**(171.837.120.349)**	**(249.509.631.686)**

	Dưới 1 năm (VND)	Trên 1 năm (VND)	Tổng cộng (VND)
Ngày 01/01/2021			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.433.997.599	-	23.433.997.599
Phải thu khách hàng	26.497.220.293	-	26.497.220.293
Đầu tư	-	38.500.000.000	38.500.000.000
Phải thu khác	117.816.602.139	-	117.816.602.139
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	**167.747.820.031**	**38.500.000.000**	**206.247.820.031**
Ngày 01/01/2021			
Các khoản vay và nợ	98.040.994.929	375.332.063.513	473.373.058.442
Phải trả người bán	26.635.074.144	-	26.635.074.144
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	11.826.919.509	7.758.181.819	19.585.101.328
Tổng cộng	**136.502.988.582**	**383.090.245.332**	**519.593.233.914**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**31.244.831.449**	**(344.590.245.332)**	**(313.345.413.883)**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Giá trị hợp lý: Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ (VND)		Giá trị hợp lý (VND)	
	31/12/2021	**01/01/2021**	**31/12/2021**	**01/01/2021**
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu	47.911.598.876	144.313.822.432	47.911.598.876	144.313.822.432
Phải thu khách hàng, phải thu khác	*47.911.598.876*	*144.313.822.432*	*47.911.598.876*	*144.313.822.432*
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	133.571.316.553	23.433.997.599	133.571.316.553	23.433.997.599
Tiền và các khoản tương đương tiền	*133.571.316.553*	*23.433.997.599*	*133.571.316.553*	*23.433.997.599*
Tài sản khác	-	-	-	-
Tổng cộng	**181.482.915.429**	**167.747.820.031**	**181.482.915.429**	**167.747.820.031**
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	467.695.186.831	473.373.058.442	467.695.186.831	473.373.058.442
Phải trả người bán	21.992.139.422	26.635.074.144	21.992.139.422	26.635.074.144
Phải trả khác	16.005.220.862	19.585.101.328	16.005.220.862	19.585.101.328
Tổng cộng	**505.692.547.115**	**519.593.233.914**	**505.692.547.115**	**519.593.233.914**

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2021 và ngày 01/01/2021. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

7.3 Thông tin về các bên có liên quan

Các bên liên quan:

Các bên được coi là bên liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021:

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Thu nhập của Ban Tổng giám đốc và HĐQT	4.614.385.123	3.239.986.587
Cộng	**4.614.385.123**	**3.239.986.587**

Giao dịch mua phát sinh năm 2021:

	Mối quan hệ	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Mua của Công ty TNHH Xuân Thủy	Cùng thành viên lãnh đạo	4.886.713.300	227.320.347.500
Cộng		**4.886.713.300**	**227.320.347.500**

7.4 Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Căn cứ vào Biên bản họp đại hội đồng cổ đông bất thường số 669/BB-ĐHĐCĐ ngày 30/11/2021 và Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2021 số 670/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/11/2021, Công ty đã thực hiện thực hiện phát hành thêm cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020 cho các cổ đông hiện hữu (tỷ lệ trả cổ tức là 25% vốn chủ sở hữu). Tổng số cổ phần đã phát hành (ngày 28/01/2022) là 10.374.998 cổ phiếu, được phân phối cho 3.494 cổ đông, theo đó, số lượng cổ phiếu đang lưu hành sau đợt phát hành là 51.874.998 cổ phiếu. Công ty đã gửi báo cáo kết quả số 165/2022/BC-TNH ngày 07/3/2022 báo cáo về việc phát hành 10.374.998 cổ phiếu cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Ngày 09/3/2022, Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã có công văn số 1144/UBCK-QLCB về việc báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức TNH, theo đó: Ủy ban chứng khoán Nhà nước đề nghị Công ty liên hệ với Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam để thực hiện các thủ tục về đăng ký, lưu ký và niêm yết bổ sung theo quy định. Ngày 23/3/2022, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam đã có Công văn số 2757/VSD-ĐK.NV về việc thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung chứng khoán do đăng ký bổ sung và cấp Giấy đăng ký chứng nhận đăng ký chứng khoán số 66/2020/GCNCP-VSD-1, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 23/3/2022 cho 10.374.998 cổ phiếu nêu trên.

Ngày 03/3/2022, Ủy ban nhân dân huyện Việt Yên (tỉnh Bắc Giang) đã ra Quyết định số 292/QĐ-UBND về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất lô đất YT (y tế) thuộc khu dân cư đường Nguyễn Thế Nho, trị trấn Bích Động, huyện Việt Yên. Theo đó, công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất lô đất ký hiệu YT (Y tế) thuộc khu dân cư đường Nguyễn Thế Nho, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang cho Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên (diện tích lô đất trúng đấu giá là 5.486,5 m^2; Mục đích sử dụng đất: Đất cơ sở Y tế; Hình thức: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê; Thời hạn sử dụng đất: 50 năm, từ ngày phê duyệt kết quả trúng đấu giá; Số tiền trúng đấu giá: 28.250.000.000 đồng – Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên đã nộp đủ số tiền này).

Ngoài ra, đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7.5 Thông tin so sánh

Số liệu được dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 Năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 3 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	CHỦ TỊCH HĐQT
NGUYỄN THU THỦY	LÊ THỊ THÚY AN	HOÀNG TUYÊN